Đặc San

VIÊN GIÁC

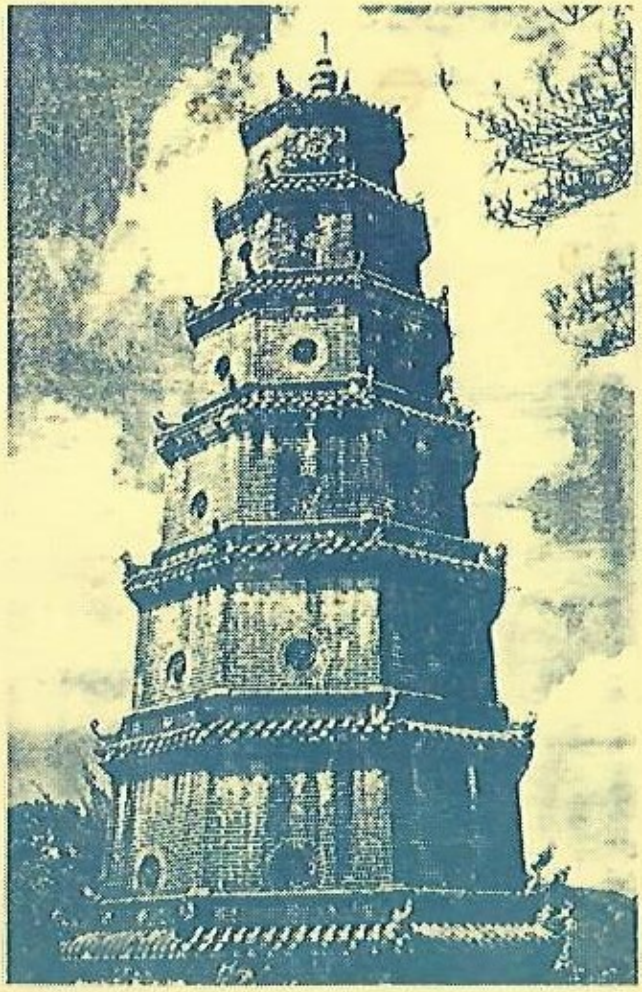

Số 06
tháng 12.1980

CƠ QUAN NGÔN LUẬN, THÔNG TIN, LIÊN LẠC CỦA SV và KB PHẬT TỬ VIỆT NAM tại C. H. L. B. ĐỨC

LỜI ĐẦU

Trong suốt 2 năm qua Ban Biên tập Đặc San Viên - Giác đã cố gắng liên tục để hoàn thành sứ mạng của mình là mang niềm tin và hơi thở của Phật Giáo đi sưởi ấm lòng người con Phật đó đây, qua 6 số báo tiếng Việt và 2 số b á o tiếng Đức - với một nội dung vẫn còn nghèo nàn, hạn hẹp, nhưng chúng tôi luôn mong mỏi rằng: s ự đóng góp đó không nhoài công vô ích, mà ít ra Đặc San cũng đã giúp qúy vị Phật Tử cũng như không P Phật Tử có một cái nhìn nào đó đối với Phật Giáo. nhất là trong giai -đoạn lịch sử nầy.

Trong khi số báo Xuân dg dương lịch nầy lên khuôn thì chúng tôi nhận được một tin buồn khôn tả. Đó là Hòa Thượng ThíchThiên Ân đã viên tịch tại Los Angeles(Mỹ) ngày 24.11 . 80 vừa qua và lễ đi quan sẽ cử hành ngày 29.11 . 80 tại chùa Phật Giáo VN Los Angeles.

Hòa Thượng là một trong những vị lãnh đạo tinh-thần tối cao của Giáo - Hội Phật Giáo Việt -Nam Thống Nhất ở trong cũng như ngòai nước. HòaThượng cũng là một trong những vị Tiến Sĩ Phật Giáo , Văn Học của người Việt Nam đầu tiên tại Nhật - Bản.

Hòa Thượng ra đi để lại cho đàn hậu học một tấm gương sáng ngời t r ong việc bảo tồn cũng như phát huy văn hóa tại xứ người, nhưng đồng bào PT Hải ngoại đã mất đi một vị minh sư khả kính , suốt đời đã tận tụy hy sinh cho Quốc Gia , Dân Tộc cũng như Đạo Pháp.

Chúng ta nguyện cầu cho Giác Linh của HòaThượng sớm cao đăng ThượngPhẩm hồi nhập Ta Bà để hóađộ quần sanh.

BAN BIÊN TẬP ĐẶC SAN VG

HIỆP CHƯỞNG

cửa Thầy mình về các lễ nghi.Cho đến lúc đó Nhật Bản chưa có tiêu chuẩn - cho việc lễ pháp nào cả. Căn cứ theo uy nghi tác pháp Thiền của Bách Trượng Thanh Quy mà giai cấp Võ Sĩ người Nhật Bản Tiêu-Trúc Nguyên Lưu đã đặt ra,thành lập trong thời kỳ Giang Hộ.Mặc dầu sau nầy có chia ra những chi nhánh nhỏ nhưng vẫn được xác nhận đặc biệt của lễ nghi tác pháp nầy.

Ảnh hưởng của Thiền được bắt đầu từ đời Giang Hộ trong việc tĩnh tọa hay lúc ngủ dậy,rửa mặt, đi ngủ,ăn cơm,lễ bái v.v... Hơn thế nữa sự sinh hoạt của người Nhật Bản được gắn liền với Thiềnvà cũng được thay đổi một ít.

Thiền được gọi là bấtlập văn tự(không dùng đếnchữ hoặc giáo ngoại biệt tr truyền(không truyền từ bên ngoài).Trong c ả n h sinh hoạt của Thiền miệng văn chương khó có t h ể biểu hiệu mà những động tác bằng hơi thở,bằngmũi hoặc sự điều hòa củalưỡi được biểu hiệu nhiều hơn.

Huệ Chiếu ngữ lục trong" Lâm Tế Lục"có viết như sau:
Tăng hỏi:
"Đại ý của Phật Pháplàgì?
Sư đáp:
"Hãy đưa lưng đây cho ta đánh".
Đệ Tử hỏi đại ý của Phật Pháp mà Huệ Chiếu đòilấy gậy để đánh đệ tử,nhưvậy Thiền không trả lời nhữ câu hỏi trực tiếp mà nhữ câu hỏi ấy chạy trốnthực tại.Đó chẳ phải là điều đùa giỡn mà là sự thanh-khiết của Thiền vậy.

Trên phương diện lịch sử văn học thế giới,lối thơ ngắn(Haiku)làm bằng nhữ bài ca của Nhật Bản có ảnh hưởng của Thiền rất nhiều.

Nhữ Thiền Tăng Trung - Quốc hay làm thơ chữ Hán bằng kiến thức của mình, nhưng Thiền Sư Nhật Bản cũng học nhưng thi hệnầy. Nhưng vị Tăng của Thiền-Tông lúc chết thường hay để một lá cờ trướcmặt có viết nhưng thi kệ.Đó là nhưng tập tục còn sótlại cho đến ngày hôm nay.

Tứ ngôn và thất ngôn t tuyệt cú của chữ Hánthật ngắn và được đổi lại bằ nhưng bài đoản ca.Trước-đó Nhật Bản thường c ó

những bài trường thơ và định đầu ca,nhưng những hình thức nầy đã bị mất tụ lúc nào không aibiết được mà chỉ thấy Haiku là một thể thơ ngắnxuất hiện sau đó trong văn-học Nhật Bản mà thôi.Th Thiền là biểu hiện cho sự thanh cao và Đoản ca hay Haiku được chồng - chất từng chữ từng chữ lên nhau giống như công phu của những kẻ tuThiền vậy,càng ngày càng phải điêu luyện là điều tất yếu quan trọng.

Các Thiền Tăng Đại Điên và Phật Đảnh chùa Viên-Giác đã có nhiều cuộc giao thiệp và có những câu thơ tuyệt hảo còn sót lại đến ngày hômnay như sau:
"Ao xưa ếch nhảy tiếng nước reo" và Phật Đảnh đã hỏi lại là:
"Phật Pháp lúc chưa có thì như thế nào?"

Thiền Tăng Tào Động Tông cũng vừa là thi nhânnhư Lương Khoan sau 22 tuổi xuất gia học đạo,chuyên cần tu thiền và tiếptục du hành"Vân thủy hành - cước",mãi cho đến ngày nay cũng còn lưu l ạ i nhiều thơ kệ,đoản ca và nhiều danh tác khác.

Con nhớ dại cầm tay nhau trên vạn lý,
Chơi ngày Xuân đầu trời xấu cũng đi.
Đó là những câu thơ biểu hiện thi cảnh và lòng từ ái của thi nhân.Và đó cũ là tâm hồn của một Thiền Sư vậy.

THIỀN VÀ VĂN HÓA(2)

Chữ "Thiền tông tự viện" Zenshū Jiin"thường dùng nó trùng với âm chữTuyền "Zen"là nước suối.Có nh nhiều người đã lầm và đã gọi là Tuyền tông tự. Từ thí dụ nhỏ nầy ta có thể thấy nước là mộtvấn đề quan trọng có liên - hệ mật thiết với chùa - chiền.Có suối nước chảy thì có ao hồ,có nướcthì có cây cối mọc.Khi c ó cây cối thì vườn tược được thành hình.Đó l à những điều kiện tất yếu. Do đó cho nên trong các chùa Thiền luôn luôn có những vườn cây cảnh. Đó không phải là tượng tr trưng cho sự yên lặng nhàn rỗi mà vì tư Thiền nên vườn tược mới biểu hiệu cho sự tu ấy vậy.

Ngũ Sơn và Thập Sát của Lâm Tế Tông là nhữngtên để gọi 10 cảnh trong ch

chùa như núi, sông, đáv.v. Đây là những cảnh Thiền có liên hệ với thiên - nhiên.

Chùa chiền của Lâm - Tế tông có vẻ trang nhã và đẹp trong khi đó chùa của Tào Động tông thì không thể so sánh bằng. Điều đó cũng dễ hiểu là Lâm Tế Tông một thời đã nhờ các tay quyền lực - của triều đình Kamakura và Bakkufu, nên việc trg trí trở nên tráng lệ còn Tào Động Tông thì ngược lại.

Nữ Hoàng Elisabeth đã thăm viếng chùa Long An Tự ở Kyoto, lúc đến thưởng ngoạn vườn đá của chùa đã thán phục vàkhen tặng. Trong lúc Tây phươnglàm vườn thường hay t í n h theo số học, đó là nguyên tắc chánh. Cứ cách 15 hòn đá thì một cây được trồng thử hỏi một cái v ư ờ n chật bày trí nhưthế nào mới đẹp mắt ?

Những đá nhỏ chắn giữa đá lớn là cách bài trí của người Đông Phương - theo sự điều hòa cảmcủa họ, ngòai ra không c ó cách gì hơn nữa nên N ữ Vương đã giật mình l à phải.

Ở trong tập "Tác đình ký" có ghi như sau: "Đá được sắp theo đá gốc và những cục đá tiếp theo cứ dựng liên tục mà thành".

Cục đá là vật không tâm nhưng người tạo dựng nên nó là tượng trưng cho sự tồn tại của tánh Phật. Do đó cho nên người làmvườn cũng phải có Thiền tâm - thì tạo vườn mới có màu sắc của Thiền.

Trong thư viện hay trước bàn Phật, sự bày trí hoa là một nghệ thuật có từ thời Heian (Bình An) vàđây được xác nhận là ảnh hưởng của Thiền.

Cách cắm hoa và dâng hoa được biểu hiệu qua sự truyền miệng từ ngườinầy qua người khác, nhưng đó là thiên nhiên tự tánh - của Thiền và đó là sự khởi xuất tư tưởng c ủ a Thiền trong hành độngvậy.

Đặc biệt trà đạo củaNhật Bản cũng được phát triển và đó cũng là một chuyển hướng của Thiền.

Ở tại Trung Quốc ngàyxưa tục uống rượu đãtrởthành tệ hại nên các ThiềnTăng

mới bày ra cách uống trà và trà là công đức của mọi người. Trà được du - nhập vào Nhật thời Thiền Đinh Tây truyền sang. Th Thuở bấy giờ cũng có sách viết chỉ dạy cách uống trà như "Khiết trà dưỡng sanh lý".

Khi khách đến chùa Thiền thì được mời trà, nhưng, trà của các chùa Thiền ở Nhật được mời là một loại trà bột được cán ra, cho vào trong chén uống với nước đun sôi. Để thay thế lối trà của Trung - Hoa được truyền sang từ đời Tống.

Ở Trung Quốc có Bách - Trượng Thanh Quy, ở Nhật có Vĩnh Bình Thanh Quy, Bảo Sơn Thanh Quy. Trong các sách vở nói về quy - luật của các chùa Thiền thường gọi là Tiêu Diêm Pháp và uống trà là một trong những lễ nghi được định sẵn. Trong Bích Nham Lục có kể một chuyện như sau:

"Thích Tôn đã dạy như thế nào?"

Trả lời:

"Hãy dùng trà đi"

Người được nhận trà, kẻ uống trà là một vị không có gì thay đổi. Đây là Trà Thiền nhứt vị (chỉ một mùi).

Vị Tổ Sư của trà đạo là - Châu Quang đã có viết rằng: "Sức nóng của trà là xuất phát từ Thiền Tông, trở thành vị Tăng chơn chánh".

Một ly trà là kết hợp với Thiền, trong gia đình ngoài xã hội, mỗi sự động tịnh đều nhờ ảnh - hưởng của Thiền mang đến và đó là điều kiện căn bản của văn hóa Nhật Bản.

DANH TỪ THIỀN:

Trong các chùa Thiền hay trong các Đạo Tràng thường hay nghe những danh - từ lạ. Đó là những tiếng Trg Hoa đọc âm Nhật, mãi cho đến bây giờ vẫn còn dùng.

Cảnh Sách: Trong lúc tọa thiền không được ngủ gục, kẻ ngủ gục bị đánh bằng gậy và khi muốn được đánh để cảnh sách thì phải ch chắp hai tay lại để yêu cầu.

Hành Bát: Là việc ăn uống là được ăn của cúng dường. Công việc làm nghiêm -

nhật. Trong lúc ăn ôn ào hoặc còn để sót lại bị cấm tuyệt đối. Trước và sau khi ăn phải tụng - niệm.

Công Án: Trong lúc ngồi Thiền Sư trưởng sẽ cho những Thiền sinh một vấn đề để tự giải đáp. Lâm-Tế Tông hay dùng h ì nh thức nầy.

Tại gia: Tại gia là những tín đồ Phật Giáo ở tại nhà chứ không ở chùa như Tu Sĩ.

Tác Vụ: Trong Thiền Tông chịu ảnh hưởng của Bách Trượng "một ngày khg làm một ngày không ăn", nên rất tôn trọng chuyện làm việc. Ngồi Thiền cũng là một công việc làm vậy.

Trực đường: là nơi Tọa-Thiền, tu hành của những người có nhiệm vụ trong việc cảnh sách.

Xoa thủ: Khi tiến đến trước Phật hoặc khi gặp khách hai tay chấp lại gọi là Xoa thủ.

Tiểu tham: là những vấn đề nghi vấn của người tu hành đem hỏi vị sư trưởng, nhưng thông thường, được thực hành là sau buổi tụng kinh sáng. Đối nghĩa v ớ i Tiểu Tham có Đại Tham.

Chấn Linh: Lúc ngủ dậy, hoặc lúc đi ngủ của kẻ tu hành phải được báo thức, khi tiếng trống kiểng kêu lên gọi là chấn linh.

Độc Tham: Sự tham cầu Phật Pháp của từng cá nhân một đối với vị sư trưởng.

Ngư cổ: Là cái bảng gỗ có hình cá. Cái mõ cũng có h hình cá cham nổi. Tục truyền rằng ban đêm cá không ngủ nên người tu không t h ể thua cá được mà phải tinh tấn tu hành, nên phải dùng đến tiếng mõ.

Pháp giới định ấn: Đó là cách ngồi Thiền hai t a y đầu vào nhau như lúc Thế-Tôn thành Đạo.

Văn Thù Bồ Tát: Giữa Thiền Đường thường hay để tượng Ngài. Ngài là một vị Thánh Tăng tượng trưng cho trí-tuệ.

Dạ Tọa: Tọa Thiền lúc ban đêm. Sau khi tọa Thiền là giờ đi ngủ.

Lâm Hán: Chỉ cho việc đi tắm Nhà ấn, chỗ tiểu tiện, mỗi nhà tắm được gọi là "tam - mạc đạo tràng".

(còn tiếp)

Ngọn Bấc Xoay Chiều

Mai Vi Phúc

(...) Thế nhưng nỗi khuất nhục ấy, đồng thời, cũng là điều đáng ngại nhứt nơi những người theo chủnghĩa Mác Lê. Nó chính là tiềm-lực cho sự trở thành của các chế độ Cộng Sản, khiến họ thực hiện được những cuộc trường chinh qua thời gian. Mười năm hoạt-động tiếp cận với các cán bộ trí vận đô thị và gần năm năm sinh hoạt hẳn với những người trí thức Cộng Sản đã khiến Thụy kiên-định thêm nhận xét của mình. Anh hiểu không phải chính mối hư vinh kia đã làm cho các chế độ Cộng-Sản tồn tại. Những người công nhân, nông dân ngỡ rằng chính sự lao động và xương máu của họ làm nên lịch-sử loài người. Họ không thể hiểu được rằng đằng sau mối hư vinh của họ là nụ cười qúai ác của những người trí thức Cộng sản, nụ cười được nén lại thành nỗi khuất nhục trần trán nhứt mà con người có được.

- Anh dùng nước đi chứ... Tuyên mời và cách khoảng giữa hai ngụm nước, Thụy nhìn vội ra ngoài khung cửa sổ. Đêm đã hoàn toàn. Đêm tháng mười thường về sớm với những cơn gió thoáng lạnh bao giờ cũng làm Thụy nhớ lại những đêm của một thời đã cũ: nỗi hun hút của một thành lang vắng lạnh và những tiếng chân bước lẻ ngần ấy sự quạnh hiu.

- Thật ra không phải đến bây giờ tôi mới tìm hiểu về Phật Giáo. Tôi nhớ trước ngày tôi vào chiến khu đã có một cuộc tranh luận trên báo giữa Nguyễn Văn Trung với một người tôi không nhớ tên, về Phật Giáo. Tôi bắt đầu quan tâm từ đó.

- Chắc anh muốn nói tới các bài của Dương Minh trên Nhân Loại và Nguyễn Văn Trung trên tạp chí Đại Học. Các bài đó chỉ nói lên sự khác biệt giữa hai quan niệm. Quan niệm Phật Giáo theo như một tín đồ Phật Giáo và

quan niệm Phật Giáoxuyên qua nhận thức của mộttín đồ Thiền Chúa giáo.

- Tôi không nhớ nội dung cuộc tranh luận.Tôi chỉ nhớ hình như cuộc tranh-luận bị bỏ dở nữa chừng.

- Anh nói đúng.Nguyễnvăn Trung có đề nghị mộtbuổi tranh luận nhưng đề nghị đó không được hưởng ứng. Có lẽ Dương Minh n h ậ n thấy sự hiểu biết của Ng Nguyễn Văn Trung vềPhật-Giáo còn vướng nhiềuđịnh kiến để thảo luận.

Thụy cố ý nói thật rõ nh những chữ sau cùng để Tuyên hiểu rằng cuộcthảo luận nào cũng đều kêugọi một sự cân bằng về thiện chí và nhất là mức - độ hiểu biết.Tuyên khước từ giá trị các bộ luận.Điều đó chỉ khiến Thụy tò mò. Nó không đủ để Thụy cần thiết một cuộc thảo luận. Anh hỏi:

- Theo anh,các bộ luận k không thể đưa người đọc tới được chân lý của Đạo Phật...

- Không -Tuyên đáp vội. Tôi không hề có ý muốn nói như thế.Tôi chỉ ngụ ý muốn nói luận làsựcập nhật phần vô vi củaPhật Giáo.Nó không còn hợp-thời nữa.Ít ra cũng đối với những người như chúng tôi.

- Những gì,theo anh, đã không còn hợp thời nữa?

- Cách biện luận.Nóthiếu thiếu tính khoa học. Có thể nói cách biện luận ấy thiếu cơ sở phạm trù. Hiện tại khoa học kỹ - thuật đã tiến quá xa.Lý trí con người chỉ quen với những gì đã đượckhu biệt hẳn hoi.

- Như giữa vật chất với tinh thần,vô sản và tư-bản hay,rõ rệt hơn, như bạn với thù...

- Đúng thế.Nên ban nãy tôi có nói sự giáo -dục những người tiêm nhiễm-tư tưởng Thiền đòi hỏi thời gian.

Thụy bắt đầu cảm thấy chán nản.Anh biết rằng có đẩy xa cuộc tranh - luận,cuối cùng cũng chỉ đi tới sự bế tắc.Tuyên-

thuộc về số những người muốn tìm hiểu Phật- Giáo bằng mở trí thức nhị ng nguyên mà con người cần phải huỷ diệt để làm vỡ ra chân lý Đạo Phật . Đã quen với cách suy nghĩ t thâm nhuần tính chính-trị,Tuyên khó lòng quan niệm một chân lý chỉ đạt tới được bằng sự huỷdiệt cái ngã của chính mình . Vì người Cộng Sản baogiờ cũng qui hướng sự h ủ y diệt về phía người khác, theo chủ trương cố hữu , bên nầy là bạn bên kialà thù.Thụy thấy đã đến lúc cần"xoay chiều ngọn bấc" để kết thúc.

- Anh vừa nói cách biện luận của các bộ luậnPhật Giáo thiếu cơ sở phạm - trù.Tôi có thể trình bày một nhận định hơi k h ác phần nào không?Thụy d è dặt hỏi.

- Được- Tuyên nói giọng cởi mở - tôi có nói l à tôi muốn thảo luận với a anh về Phật Giáo.

- Tôi nhớ Chế Lan Viêncó làm hai câu thơ:"Talàai? Cậu hỏi hư vô thối nghĩn nếu tắt.Ta vì ai?sẽxoay chiều ngọn bấc",Chúng ta có thể cơ sở trên haicâu thơ nầy để thảo luận .

Theo tôi tất cả sự khác biệtgiữa Phật Giáo và ý thức hệ Mác Lê nằm trog hai câu thơ ấy của Chế Lan Viên.Người tín - đồ Phật Giáo bắt đầu cuộc hành trình đi tới chân-lý của mình bằng cầuhỏi "Ta là ai?"vã không hề quan niệm như Chế - Lan Viên đó là một câu hỏi hư vô sẽ khiến trởthành hoài công nỗi xao xuyến siêu hình về chơn ngã. Và họ sẽ không vội hành động"vì ai"cho tới bao giờ thật sự thể - nghiệm được "ta là ai ?".

Thụy ngừng nói quaysang Chi:

-Chi đã đọc xong tập - truyện Ảo tưởng rồi chưa?

- Còn hai chuyện.Anhcần lấy lại sao ?

- Không.Bao giờ đọcxong Chi nhớ mang tới a n h Tuyên - quay sang Tuyên. Trong tập truyện ấy có một bài của Nhất Hạnh . Tựa:Cửa Tùng đôi cánh - gãi.Vấn đề dấn thân của người Phật Tử được đặt rõ trong chuyện ngắn ấy.

- Có nghĩa là người Tín đồ Phật Giáo cần phải

chờ đợi bao giờ biết được chơn ngã của mình rồi mới đánh đuổi kẻ xâm lăng? T Tuyên hỏi, giọng có phần gay gắt.

- Không. Không hề như vậy. Người Phật Tử không hề khu biệt cái chơn ngã riêng ở nơi chính mình. Do đó họ k không hề vắng mặt trong bất cứ một cuộc đối trị nào - nhằm hủy diệt những hành-vi che mờ chơn ngã. X â m lăng là một trong tám mươi bốn ngàn cách biểu - hiệu của ba chướng ngại lớn - tham, sân, si - che mờ chơn ngã. Có điều là khi hành-động như vậy, người Phật - Tử, tôi muốn nói những người thấm nhuần tự tưởng Thiền, không hề nghĩ rằng mình đã hành động "vì ai". Đã không còn có sự riêng, chung, lấy đâu còn đối tượng để vọng hướng.

- Đã không còn có sự riêng chung như anh vừa nói - Tuyên hỏi vặn - tại s a o còn phân biệt hai giai đoạn cho một cuộc hành - trình. Tại sao cần phải tr trải qua giai đoạn "ta là ai" trước khi đi nốt đoạn đường "ta vì ai?" còn lại.

- Tôi không có nói là sẽ có một đoạn đường cuối, cg cuộc hành trình ấy c u a người Phật tử có tính cách vô thủy vô chung.

- Như vậy có thể nói Phật Giáo là một loại hư - vô chủ nghĩa, Đi mã không b biết để đến đâu.

Thụy nhận thấy sự ức đoán của mình là đúng. Nếp tư duy của Tuyên đã nhuộm-đầm màu sắc nhị nguyên. Không thể trong một khoảng thời gian ngắn ngủi khiến Tuyên đạt tới một sự hiểu biết bằng cách khước từ nếp tư duy cố hữu. Và điều nầy cũng giúp Thụy giờ đây hiểu rõ tại sao Tuyên phủ nhận giá trị các bộ luận. Tôi nghĩ có lẽ tôi nên trình bày vấn đề một cách khác để giữa chúng-ta đỡ có sự cảm thông hơn. Người Cộng Sản không đặt thành, ở sở khởi, câu hỏi về bản thể của con người và quan niệm con người là một thực thể đang tiến - hoá. Người theo chủ nghĩa Mác là người định hướng-một cách tích cực sự tiến hoá kia. Hành động "vì ai" ấy người Cộng Sản gọi là sự giải phóng. Và "Xoay ch chiều ngọn bấc" hướng ra bên ngoài để sáng l ê n thành ngọn lửa sẽ thiêu huỷ trên đường đi những-sự đối kháng mà người CS gọi đó là sự phản động, Để biện luận người CS có

tử ngữ mã anh gọi là cơ-sở phạm trù.

Tuyên chặn lại.

- Tôi cần phải lưu ý anh lã cơ sở phạm trù của chủ nghiã Mác không hề có tính cách siêu hình để có thể lãm một cuộc so - sánh.

- Tôi không so sánh. Bởi vì Phật Giáo phủ nhận cơ sở phạm trù của siêu hình học Tây phương. Phật Giáo không bắt đầu bằng cách đặt ra những phạm trù cho trí năng tư đó hình dung những phạm trù của hữu - thể để cuối cùng lý luận về bản thể của con người. Phật Giáo không xử dụng con đường ấy để thể nghiệm bản thể của con người mà họ gọi là chơn ngã. Do đó Phật Giáo không hề có một siêu hình học hiểu n h ư siêu hình học Tây phương.

- Nhưng những gì anh vừa nói có liên hệ gì đến vấn đề chúng ta cần thảo luận.

- Có. Tôi muốn giải thích lý do khiến thành sự ngộ nhận theo đó cách biện - luận. Phật Giáo thiếu cơ sở phạm trù.

- Tôi đã hiểu phần nào những gì anh muốn nói . Tôi muốn hỏi thêm như vậy làm thế nào để con người nhận thức được bản thể, tức chơn ngã của mình.

- Không phải nhận thức mà là thể nghiệm chơn ngã.

- Nhưng làm thế nào đ ể thể nghiệm chơn ngã ấy ?

- Tôi có nói xâm lăng là một trong tám mươi bốn ngàn cách biểu hiệu của ba chướng ngại lớn. Có tám mươi bốn ngàn cách biểu hiệu của tham sân si; do đó có tám mươi bốn ngàn cách đối trị để thể nghiệm chơn ngã. Tám mươi bốn ng ngãn đường đi. Đến đây cg chúng ta có thể hiểu được tại sao người Phật - Tử cần phải thể nghiệm" ta là ai?"trước khi có những hành động"vì ai?" Và tôi nghĩ chỉ có như vậy mới tránh được sự bức đoạt tinh thần.

- Sự bức đoạt nào a n h muốn nói? Tuyên hỏi.

- Sự tự do chọn lựa của người khác.

Thụy nhận thấy đã đến lúc không còn phải dè dặt nữa. Đã đến lúc cần phải mớm vào Tuyên đội nếp gọnkhác hẳn những nếp tư duy cổ-hữu của anh.Thụy khôngthể có ảo tưởng nó sẽ một sớm một chiều"xoay chiều ngọn bấc"vào lại trong Tuyên. Nhưng anh biết rằng không hề có một âm thanh nào sẽ tắt hẳn trong sự thámthẩm vô cùng của thời gian . Nhứt là một khi những âm thanh ấy ẩn tàng một chân lý vĩnh cửu,không còn vẫn lẫn một lớp bụi vô - minh nào.Cũng sẽ ẩn náu đâu đó trong Tuyên để một lúcnào đó trong sự bế tắc cùng tột của trí thức n h i - nguyên,những âm thanh ấy sẽ bùng vỡ thành ánh sáng Thần chớn ngã tiềm tàng n nơi mỗi chúng sanh.

Thụy nói:

- Người ta chỉ có thể tôn trọng sự tự do cuảngười khác khi thể nghiệmđược rằng không chỉ có m ộ t con đường để đạt t ớ i chân lý.Và sự thể nghiệm nầy sẽ giúp chúng ta không rơi vào trong sự mâu thuẫn sát máu: Phục vụ con người bằng lòng thù hận con người.

Tuyên cười:

- Theo anh có một cuộc giải phẫu nào để cứu - mạng một con bệnhmà bàn tay Bác Sĩ lại khôngvấy máu.

- Không hề có.Nhưng máu không vấy lên tâm hồn k vị Bác Sĩ khi cứu mạng người.Điều nầy khiến ch chúng ta hiểu được làm thế nào vua Nhân Tôn , một Thiền sư,đã nhuộmđỏ sẽ Bạch Đằng bằng máu của người Mông Cổ với 1 tâm hồn thanhtịnh như một Thiền Sư....

Chiều hội gió

- Mai Vi Phúc -

Hình như ai thắp trong không gian
Những cột khói lam chiều đã tàn
Hay chính chiều nay chiều hội gió
Ngàn muôn trận gió của thời gian.

Nao nao gió đã tự ngàn xưa
Thổi ngát trùng dương rộng mấy tờ
Rong thuyền tôi đã muôn năm trước
Đuổi những hoàng hôn vệt nắng tà.

Nào biết nhân gian tràn gió bụi
Cuồng phong mù mịt muộn vó câu
Ngựa về tiếng nhạc buồn thê thiết
Hiu quạnh bên trời nấm cỏ khâu.

Đã nổi lòng tôi trấm trận gió
Chiều nay êm lắng tựa hồ thu
Chìm sâu những nỗi niềm xưa cũ
Một thuở tay chao sóng rượu sầu.

Tự Thú

Ta đã sống qua những ngày giả dối:
Tình chưa nhen đã vội nói thương người!
Treo trái hồng ngọt xớt giữa vành môi,
Lời nồng bỏng mà tim thời băng giá...

Ta đã lỗi lỗ bao lần mặc cả,
Sức hơi mòn đổi chác kiếp phù sinh.
Cái bụng tròn mộ chôn vạn sinh linh:
Lấy máu thịt dưỡng nuôi ngày khôn lớn.

Ta đã nuông chiều bao nhiêu ảo tưởng,
Đua đòi sớm chiều mấy chồn phồn hoa,
Thân phù du cháy bỏng cả làn da,
Cũng quần quại lấn xả vào lửa dục!

Ta đã qua nhiều bến bờ trong đục
Rửa mặt trần rồi son phấn điểm trang.
Ham công danh, háo nhà cửa bạc vàng,
Đem lý tưởng đổi lấy ngày no ấm.

Ta chợt tỉnh sau nhiều phen lận đận
Tự hỏi lòng, đời có thế thôi ư ?
Có nghĩa gì, thêm mấy chục năm dư
Mà xồng xáo bôn ba đường danh lợi!

Ta sẽ làm gì những ngày sắp tới,
Khi má hồng thôi thắm, tóc thôi xanh,
Khi tắt hơi là chết hay tái sanh,
Chúa Phật dạy những thiên đường địangục!

Càng suynghĩ ta lại càng rởn óc,
Sống chưa xong mà đã sợ chết rồi!...

Đặng Trinh Wallenstätter

BẤT LỰC

Đời sống như lao tù,
Áo cơm như mồi nợ,
Chiều giường như thuốc mê,
Ta như người ngái ngủ!

Thở thần vào lại ra,
Nghĩ sinh lầm thế giới!
Biết mai rồi về đâu,
Khắc khoải hoài mong đợi.

Ngày tháng như thoi đưa,
Người ta thường bảo thế,
Nhưng saothấy lê thê,
Một chuỗi dài lụy hệ!

Muốn tu mà không xong,
Thôi thì làm cư sĩ.
Nhưng vẫn mãi hổi lòng:
Đời sao mà chán thế!

Hết làm rồi lại ăn,
Hết ngủ rồi lại thức,
Bám víu vào mảnh bằng,
Chen với người đành dực

Một trăm lế một năm,
Nếu sống cho hết kiếp:
Sáu mươi tuổi đã già,
Hăm mốt năm mới lớn.

Còn lại bốn mươi năm
Những bịnh đaukhổ cực,
Những phiền nãolo buồn
Sướng vui là mấy chốc!

Nào lại còn những nơi
Mạng người như cỏ rác,
Chiến tranh và tai ươ
Chết chóc và đói khát!

Nào biết bao xứ khác:
Luật lệ như rừng xanh,
Kẻ mạnh hiếp kẻ yếu,
Sự sống còn mong manh.

Nào dân trong sa mạc,
Khe nước mát cây rậm,
Hoặc vùng băng tuyếtgiá
Đời chỉ thấy mùa đông.

Còn kể chi thú vật,
Đêm ngày giếthại nhau,
Từ rừng già núi thẳm,
Đến dưới lòng biển sâu

Và bao nông nổi khác,
Càng nghĩ càng ngu si,
Đành thở dài niệm Phật
Mong một ngày thoát ly

Đặng Trinh Wallenstätter.
München 12.9.80

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT
CHI BỘ TÂY ĐỨC - CHÙA VIÊN GIÁC
HỘI SINH VIÊN VÀ KIỀU BÀO PHẬT TỬ VIỆT NAM
TẠI TÂY ĐỨC
THÀNH KÍNH

Nguyện cầu Giác Linh Hòa Thượng thượng Thiên hạ Ân tảo đắc vãng sanh An Lạc Quốc, Thượng - đạt Liên Đài , hoa khai kiến Phật.

Vài nét về tiểu sử của Hòa Thượng

Thích Thiên-Ân

Hòa Thượng Thích ThiênÂn là một trong những vị Tu Sĩ Việt Nam đầu tiên du học tại Nhật Bản trong n thập niên 50-60. HòaThượng đã đỗ văn bằng Tiến - Sĩ văn chương Nhật Bản năm 1964 của Đại Học Waseda. Hòa Thượng đã dạy sử học tại Đại Học Sài Gòn, dạy sinh ngữ Đông Phương - (Nhật, Việt, Hán) tại Đại Học California và d ạ y triết học Đông và T â y Phương trong một số trường Đại Học tại Mỹ. Hòa Thượng là sáng lập viên cùng là Viện Trưởng Viện Đại Học Đông Phương (Oriental Uni versty) ở Los Angeles . Hòa Thượng cũng là sáng lập viên của Viện ĐạiHọc Vạn Hạnh (1964) Sài Gòn . Hòa Thượng là một vị lãnh đạo tinh thần của Phật-Giáo, ngoài ra Hòa Thượng còn là một nhà giáo dục học. Hòa Thượng cũng là người được có tên trong tự điển danh nhân thế - giới của nước Mỹ. Ngoài Viện Đại Học Đông Phương ra Hòa Thượng đã lậpmột trung tâm tu thiền cho người Việt Nam cũng như người ngoại quốc, chùa PG Việt Nam, chùa Di Đà và 1 thư viện Phật Giáo r ấ t đầy đủ kinh sách bằngcác thứ tiếng Nhựt, Việt, Trug Hoa, Anh, Pháp, Đức, Đại Hàn ....tại Los Angeles. Hòa Thượng là tác giả c ủ a nhiều sách nổi tiếng bằng 3 ngôn ngữ Việt, Anh, Nhật như: Zen Philosophy , Zen Practice, Buddhism & Zen in Vietnam... HT-suốt trg cuộc đời Ngài đã mang tư tưởng Á Châu đến Mỹ Châu và đã tạo sự thông cảm giữa Đông và Tây Phương.

chuyện cổ nước Tây

Đặng T.W.

Ngày xưa...cách đây chưng mười năm,có một tiểu nữ con nhà lành lặn,vì chí muốn tìm Thầy học đạo nên đã vượt núi băng rừng,lội qua biển Thái,sang tận bên trời Tây để mong tròn ước nguyện.

Tuy nhiên,sau sáu năm trời phiêu bạt đó đây mà đã chẳng làm nên nghiệp lớn nghiệp bé gì,nàng ta tở ra chán đời kinh khủng và bèn khăn gói tà tà b ò qua Tây...Đức.

Xứ nầy là một đại quốc gia,giàu mạnh đứng hàngđầu thế giới.Tục truyền rằng:khi xưa các anh hùng nữ-kiệt ở đây lại bất đồng ý kiến với nhau ghê - gớm và sau một trận thư hùng trời nghiêng đất lở ,hai môn phái cao thủ bèn tách rời ra làm hai khu vực, thề bất cộng đái thiên cho đến ngày nay.Theo tích ấy thì hai khu vực nầy vẫn còn hậm hè nhauchưadứt người trong cõi Ta Bà thời bấy giờ thường gọi bên hữu hoặc chánh giáo là Tây Đức - bên tả hay tà giáo là Đông Đức.Nghiêm nhặt hơn nữa ở cựu thủ đô Bá Linh,bên tà giáo còn dựng lên một cái Vạn - Lý trường thành,y theo như sơ đồ của Thành Cát TưHãn đời xưa để ngăn cản sự trà trộn tự do của đệ - tử hai bên,hoặc để dấu nhẹm những ngón bí truyền của môn phái.

Lại nói về tiểu nữ Đỗ Long(sinh vào giờ thìn, nên được tặng hỗn danh nầy)tự ngày sang Tây Đức , lại được học thêm một ngón võ mồm của dân bản - xứ ,

thường gọi là Đức Ngữ , muốn tinh thông ngónnghề nầy không phải lơ mơ mà được!Bởi vìmón ngữ nầylà một ngón đòn thuộc vào - loại khá cao cường và bí hiểm,thế nên nó ít được lưu hành qua các nước kh khác như môn Anh ngữ chẳng hạn.Tuy nhiên,vì tiểu nữ nhà ta đã có lơ thơ vài ngón phòng thân bổ t ú i mang theo tư Ăng-Lê v à xứ của Phật Lăng nên khệ có chi là nao núng,vànhờ thế có phần khá hơnnhiều môn đệ khác.Vì nếu kẻnào yếu công lực,hoặc mới tò te nhập môn sẽ cảm thấy tinh thần khiếp đảm, bại hoại tứ chi,chí lớn ,chí bé nhũn ra như bún tàu ngâm nước nóng,rồi hoặc là mắc bịnh ngất tò te , hoặc bỏ cuộc,hoặc nằmdài trong sảnh đường chờngày mãn khoá,may ra với thời gian sẽ bơ túi được vài bí quyết nào chăng!

Nhưng môn sinh nàođã hấp thụ được môn bí truyền - nầy thì sẽ nhớ đó,mànhiều được nhưng bí quyết khác của môn phái bản xứ và được đận chúng ở đâyhoan hỉ chỉ giáo thêm.Ngoàira nhưng người môn sinh có lập nghiệp hoặc muốnkiếm con cháu thổ dân để nối dõi Tây Đường thì môn - ngữ nầy vô cùng cầnthiết vậy.

Sau khi đã lãnh hộiđược môn nầy,Đầu Long thấy tinh thần rất là sản - khoái công lực gia tăng gấp bội,khỏi chỉ bậylâu nay đè nặng trong cõ hg suốt thời gian tu - tập đã không hẹn mà chuđâu mất hết,nàng cảm thấy c chân tay nhẹ nhàng di-chuyển lanh lẹ,rất ư là dễ chịu,nhất là mỗi khi xuất khẩu thì thànhngôn ngay,không còn bị bịnh "lưỡi câu"còn gọi là ấp úng,lấp bấp hay địchnôm na là gà nuốt dây thun nữa!trước kia,mỗi l ần muốn giao đâu miệnglưỡi với thổ dân,lúc tinh - khí còn yếu kém,thì thỉnh phải dùng tới ngón song chưởng vỗn hoa,dùngngón đòn nầy thì tay chân - phải múa liên hồi loạn cả lên rất là mệt sức, còn nếu mệt qúa thì dùng đòn ghì gật,ghì lắc , hoặc túng thế qúa thìxử dụng món cười trừ , đối phương ở đây cũng nhân hậu,khi ấy bèn tha cho về học tiếp.Nhưng bây-giờ thì thung dung tự - tại,chỉ cần múa lưỡivài vòng là đủ hiểu nhau ng ngay,rất chi là tiệnlợi.

Cũng vào giai đoạn ấy ,

lúc tiểu nữ còn miệt mài tu học, thì ở quê nhà, vận nước suy vong tà giáo bỗng nhiên trở thành một khí thế không gì ngăn nổi, rồi chúng chiếm cứ thủ đô, dựng bảng hiệu khắp nước, hà hiếp dân lành, làm bao nhiêu việc trái lòng trời... sự oán-than không bút mực nào tả cho hết được. Bao nhiêu người phải bỏ nơi chôn nhau cắt rún mà dấn thân vào nơi vô định, anh hùng liệt nữ cũng mủi lòng, nén hận khăn gói qua cầu chạy sang những nước lân-bang tị nạn, hầu chờ ngày phục quốc.

Cũng trong dịp nầy, một số đông hương đã-được gió đưa qua Tây Đức, là chỗ mà tiểu nữ Đầu Long đang tu học. Dù cảm thấy sức mọn, tài hèn, tiểu nữ nhà ta, xót tình cốt nhục, cũng nhào vô giúp đỡ bà con.

Sở là thổ dân ở đây, tuy khí hậu vô cùng lạnh lẽo, nhưng nhờ luyện được tâm khí đức hạnh đã lâu đời nên trái tim lúc nào cũng vẫn hâm hâm nóng. Do đó, khi thấy cảnh lênh-đênh không bến của dân tị nạn An Nam bèn mủi lòng rơi rụng, tình nhân loại nổi dậy, đùng đùng, không ngăn nổi, bèn bơi ra biển vớt cả mấy chục ngàn người một lúc đem về nuôi ngoài việc lo lắng nhà cửa thuốc men, cơm áo, dân bản xứ lại còn ra công cất Thầy dạy võ, luyện văn cho nữa, thật là vô cùng chu đáo vậy!

Trong lúc chờ đợi, thì dân chúng An Nam, vì đường sá xa xôi và tinh thần còn khủng hoảng, nên hầu hết đều tiều tụy dung nhan, mặt mày xơ xác.

Bọn tiểu bối nữ Đầu Long phải hùng hục đêm ngày ra công dìu dắt, giúp đỡ được càng nhiều càng tốt, cho đến khi nào họ được vững vàng công lực, và tự mình thọ lãnh được môn ngự bí truyền của Tây Đức thì-mới thôi.

Đầu Long là một tiểu nữ có óc nghĩa hiệp, nay được dịp làm phước thiện rất lấy làm mãn nguyện, lòng mừng khấp khởi, lo lắng tưng bừng, ngày đêm nhung bỏ ngủ quên ăn, cứ" Việt-ngữ nhập khẩu môn" mà bấy

lâu nay để đóng rêu, ngờ đâu đã thiêm thiếp giấc nồng, nay bỗng tung chăn ngồi nhom dậy, phát thanh lại em sòm như thác đổ, y hệt như ngày xưa còn bé lúc ở quê cụ An Nam. Rồi hai ngón Việt Đức hòa hợp lẫn nhau cứ vung vít loạn cả lên, làm bà con từ An-Nam mới sang cứ hoa mắt ù tai, theo dõi không kịp thở, vẫn hết cả nội công vẫn không theo kịp lối xử dg khẩu môn của tiểu nữ họ Đầu. Họ bèn trố mắt ra, ra chiều rất ư là khâm phục, một số khác khệ hết lời khen ngợi ầm ầm!...

Trong số cao thủ võ lâm từ An Nam trôi đạt qua - Tây Đức, hiện còn tạm trú tại trại tiếp cư đường - Allach, có gia đình họ Trương là nổi bật và đáng nói hơn cả, vẫn võ sgtoàn nấu đồ ăn ngon kịch liệt nghe đâu hồi xưa, giađình nầy có lập ra một sánh - đường gọi là "trường chay thí thực", môn đệ đông có tới hàng ngàn, thế nên dù gặp phải bước sa cơ, vẫn giữ được cốt cách oai-hùng, dung nghi lẫm liệt, làm cho thiên hạ trông thấy phải đem lòng tức tốc nể nang ngay!

Số là gia đình nầy, trong môn phái từ bi, đã tu-luyện đến mức thượng - thừa, nếu còn ở An Nam môn sinh các nơi thường phải cúi đầu thọ giáo, hoặc cung kính lạy mừng mỗi khi gặp mặt, hấu kiếm chút công đức bỏ túi, nhưng vì thời buổi nhiễu nhương, lòng người li tán, lại lưu lạc xứ người, vàng thau lẫn lộn nên không thấy có gì trọng hậu lắm.

Nhưng đó là nói về những kẻ sơ đẳng kia, chứ như tiểu nữ Đầu Long, mắt tinh như cú, lại có lòng hâm mộ bậc tri thức, thiện nhân, nhiều năm lăn lộn chốn võ lâm, nhìn qua là biết ngay bản lãnh, và liền đem lòng kính mến, lại muốn nhân dịp nầy thọ giáo vài đường. Pháp môn tu-luyện của họ Trương thật ra đã có từ hơn 2 ngàn năm nay, được truyền bá khắp hoàn cầu, danh tiếng vang dội, nhưng T tiểu nữ từ bé chưa có dịp gặp gỡ bậc cao cường đủ bản lãnh để truyền dạy những món thiết yếu vì thế nay gặp được cơ hội ngàn vàng, Đầu Long vô cùng mừng rỡ.

Thế rồi nàng ta bèn lân la trò chuyện và lò dò đến làm quen. Nàng được

họ Trương, vì luật giang hồ đồng thanh tương ứng cũng hết lòng trong đãi thường mở tiệc đãi đằng và tiểu nư được mộtphen lé mắt vì những ngón ng nghề tuyệt diệu của bí thuật trường chay, luyện vào một lúc thì thấy th tinh thần lâng lâng, bao tư sảng khoái và yêuđời ra rít! Thật chẳng h ổ mặt cao thủ phái Tư -Bi vậy.

Tiểu nữ Đầu Long c à ng ngày càng say mê pháp - môn nầy và quyết - tâm theo học cho bằng được, họ Trương vì cảm tánh nhiệt tình cũng hoan hỉ tận tình chỉ giáo.

Pháp môn nầy huyền diệu cao thâm, nhiều kih chứng nhiệm mầu, muôn ngànngón lợi hại, kẻ yếu bóng viá không thể nghe mà lánh hội được, vì nó có công lực phá địa ngục, mở Th Thiên Đường, diệt sanh , già, bệnh, tử, đánh bại cả lục tặc toàn cởi Ta Bà hợp lại... Càng ngheTiểu Nữ càng bật viá kinhhồn hết sức bị lôi cuốn, và dâỹ đầy lòng kính phục.

Thế nên, ngày qua tháng lại Đầu Long miệt m à i say mê theo học nhữngngón bí truyền của Pháp-môn nầy. Mỗi tối sau khi rảnh việc, Tiểu Nữ vội vã đến bái kiến họ Trươngđể điều luyện công lực. Truo Trước hết, nàng được cung cấp cho một số linh dược rút trong môn trươngchay bất đoạn để tăng cườngnội công, sau đó mới đ ư ợ c truyền cho vài đường tục niệm, hoặc là giảng giải những bí ngôn trong thần chú v.v... Điều kiện học tập ở đây không gì khó , nhưng muốn đến đích phải bỏ ra cả đời người, hoặc nhiều đời người họp lại, và phải quyết tâm , phải có một lòng thương nhân loại như biển Thái Bình thì mới mong thực hành ý nguyện đến chót vót của Pháp Tư Bi nầy. Mỗi t ố i Tiểu Nữ cũng quỳ gối ở trước bàn Tổ để nhẩm đọc thần chú bí truyền của môn phái. Muốn được tinh-thông phải dùng phép tọa thiền, nghĩa là tập trung tất cả tinh thần vào một chỗ và cột nó lại c h o chắc chắn, cho đến h ế t buổi mới thả ra, nhưng vì Đầu Long công lực chưa chín, cột không chặt -nói thì dễ nhưng làm lại khó nên mỗi khi Tiểu Nữ lầm nhẩm luyện phép một hồi thì thấy quả tang r ầ ng tâm trí mình không chịu đựng đó nghe kinh, mà tà tà lái xe đi đâu mất , nhưng mắc công lôi kéo-

hắn về thì đã hết buổi c chầu,buồn qúa...Còn nhưg món nghề khác muốn c h o tinh thục hoàn toàn thì phải thức dậy sau nửađêm cho đến 4 giờ khuya, lúc ấy âm dương hòa hợp,trời đất giao duyên thì m ớ i thành tựu được công đức, gia đình họ Trương r ấ t kỷ luật trong lúc luyện ngón này,Tiểu Nữ nhà ta cũng muốn đua đòi,nhưngv vì công lực còn non kém, nên cứ bị rớt vào giấc điệp dài dài,không t à i nào bò ra cho nổi,đành c chỉ luyện khí vào lúc tà dương mà thôi.

Sau mấy tháng trường hắg hái siêng năng,Đầu Long-đã thực sự được thâunhận làm môn đệ của phái Từ - Bi,nàng đã tinh thông ít nhất là món trường chay bất đoạn,tinh thần càng minh mẫn hơn lên,lạithâm nhập được nhiều chúthuật bí truyền,có thể trừ tà dẹp quỷ,cải ác từng thiện biến giận thành vui, nên càng được giới vở l â m kính phục,và họ Trươngđã hết dạ thương yêu.TiểuNữ cũng vui mừng khôn xiết, và hết sức cảm tạ thâmân trời bể cuả họ Trường , thề đến chết cũng không quên.

Pháp môn nầy,sau khiluyện kỹ,sẽ khiến cho cơ thể con người vô cùng sảng-khoái,khí huyết mạnh mẽ lưu thông,bao tử khỏerù rù,tim đập thánh thót như điệu nhạc và nhấtlà không khi nào bị bịnh táo bón như phần đ ô ng bậc tu mi nam nữ ở x ứ Tây.

Từ ngày Đầu Long lành - thọ được ngón trườngchy chay nầy,đêm ngày không dám buông lơi,chẳng mấy chốc đã trở thành cao - thủ,tinh thông cả những môn bí truyền,nàngratay thì thôi khởi nói,không thua chi Sư phụ,càng th thấm nhuần môn nầy Tiểu Nữ càng thấy tâm hồn mh minh mẫn,trí óc sángnhư ban ngày,trái tim trước kia chỉ bé bằng nắm tay nhờ phép nầy có thể co giản dễ dàng,đến độ nới rộng ra không kích thuo thước,có thể chứa đủ th tình thương cho cả chúg sanh cởi Tạ Bà,hoặc còn cho cả những loài động-vật khác nữa!thần thông biến hoá khôg thể nghĩ bàn vậy.Thật không h ổ mặt đệ tử nhà họ Trương.

Và nếu hậu bán thế kỷ ở sau,nhờ cg lực sưtộPháp môn gia hộ thì chẳ bao lâu nữa nhg cao thủ như gđ họ Trương có rấtnhiu Mong thay.

Tường_trình sinh_hoạt lễ VU_LAN

tổ chức tại Hannover trong những ngày 30-31.8.80

Để chuẩn bị cho lễ Vu Lan năm nay,Quý Thầy,Quý Ni Cô và một số anh em Phật Tử ở xa như Aachen,Münnerstadt,Barntrup,Dörentrup...đã về chùa trước đó mấy ngày để giúp đỡ việc tổ chức ngày lễ được chu đáo hơn.

Vào ngày thứ năm(28.8.80)ban trai soạn đã bắt đầu làm việc tại Jugendzentrum.Một số anh chị em khác phải lo đóng báo.Không khí chuẩn bị cho ngày lễ thật nhộn nhịp.

Đến trưa thứ bảy(30.8.80)đã có một số đông - bào Phật Tử từ các địa phương xa như Berlin,Kiel , đã lần lượt kéo về nơi địa điểm tổ chức lễ.Đến 17giờ chiều cùng ngày khoảng 150 đồng bào Phật Tử vàtrẻ em đã tập họp tại Jugendzentrum - 19 giờ thì mọi người được lãnh cơm chay để ăn tối và 20 giờ thì đêm văn nghệ bỏ túi với chủ đề MẸ đã được một số anh em ở Jugendorf Limmer và các anh chị em Phật-Tử trong Ban Văn Nghệ tại Bá Linh,cùng một số cá nhân khác đã trình diễn trong các bài đồng ca,hát múa...

Sau hơn hai tiếng đồng hồ văn nghệ một số anh chị em Phật Tử đã chiếu lại những cuộn Film sinh hoạt của chùa từ năm 1978 cho đến ngày nay cho đồngbào xem.Sau phần chiếu Film Đại Đức Chi Bộ Trưởng đã thuyết giảng cho đồng bào Phật Tử về ý nghĩa của chữ hiếu giữa đạo làm con đối với cha mẹ,giữa vợ

8 giờ sáng ngày 31.8.80 mọi người dùng sáng một số Quý Thầy, Quý cô và Quý anh chị em Phật Tử họp nội bộ và số đồng bào còn lại đi dạo phố cũngnhư thăm viếng một vài thắng cảnh của Hannover. Đến 11 giờ trưa bắt đầu khai mạc Lễ Vu Lan chính thức . Anh Hội Trưởng Hội Sinh Viên và Kiều Bào Phật Tử Việt Nam tại Tây Đức đã giới thiệu Đại Đức Thích Giác Minh - Chi Bộ Phó của CBPGVNTN Tây Đức- lên ban diễn tử nhân ngày báo hiếu.

Người ta nhận thấy một số đồng bào Phật Tử ở xa như München, Stuttgart, Essen, Dortmund, Recklinghausen, cũng đã về tham dự lễ ngày hôm ấy. Số người tham dự lễ lên đến khoảng 300 người kể cả các em bé ở các Jugenddorf o Braunchweig, Bad Nenndorf , Hameln...

Buổi lễ Vu Lan gồm có những phần chính như sau : - Diễn tử của Chi Bộ - lễ cài hoa lên áo(Cho nhữ ai còn mẹ thì cài cành hoa hồng và cho những ai đã mất mẹ thì nhành hoa trắng) - Tụng kinh VuLan báo hiếu - Lễ tiến linh cho những người qúa cố - trong đó kể cả những người đã chết trên biển cả- trong khi vượt biển tìm tự do. Buổi lễ chấm dứt lúc 12 giờ 30 phút và sau đó mọi người đã dùng bữa cơm chay thân mật.

Có 6 Phật Tử đã Quy Y trong dịp lễ Vu Lan nầy, và sau đó lễ thí thực cô hồn cũng đã được cử hành một cách trọng thể. Lễ Vu Lan chính thức chấm dứt lúc 16 giờ - mọi người ra về mang theo một tâm- sự mừng vui đầy tình đạo vị. Vì đã sống suốt hai ngày trong tinh thần TỪ BI, LỢI THA của Phật Giáo và nhânđhội nầy mọi người có cơ hội trao đổi, hàn huyên, tâm sự về quê hương về bạn bè ở khắp mọi - nơi.

Ba mẩu chuyện đạo

1) Lòng ngưỡng mộ Phật Pháp của Vua A Dục
2) Đức Phật với La Hầu La
3) Đức Phật độ cho người gánh phân

1) LÒNG NGƯỠNG MỘ PHẬT PHÁP CỦA VUA A DỤC

Vua A Dục trước là người rất độc ác, từ khi theo Đạo Phật đổi thành người rất nhân từ. Hội mới theo Đạo vì lòng cảm mộ quá đổi dào, nên mỗi khi ngự ngoài đường, hễ gặp các vị Tỳ Kheo nào đi ngang qua liền xuống kiệu khấu đầu lạy. Có vị Đại Thần tên là Da Tát, lấy thế làm quá đáng, bèn can ngăn vua rằng: "Các Thầy Tỳ Kheo kia chẳng qua là những người các cấp đi hành khất ngoài đường, không đáng tôn trọng lắm." Vua im lặng không trả lời. Cách vài ngày, vua truyền cho các quan văn võ, mỗi ông phải đem bán một đầu súc vật, và cho biết giá bán các đầu ấy như thế nào; ông Da Tát thời phải bán một đầu người. Các đầu súc vật thời bán được với giá tiền sai khác hơn kém nhau, duy có đầu người của ông Da Tát bán thì không ai mua. Vua hỏi cớ sao, ông Da Tát trả lời: "Vì đầu người làm một vật hèn hạ, không có giá trị gì". Vua lại hỏi: "chỉ có một cái đầu nầy là hèn hạ, hay tất cả đầu người đều hèn hạ"? ông đáp tất cả các đầu người đều hèn hạ. Vua bèn hỏi: "Vậy đầu trẫm đây cũng hèn hạ sao"? ông Da Tát sợ hãi không dám nói, sau vua bắt ép ông phải thú thật đầu Vua cũng hèn hạ. Vua bèn giảng cho ông Da Tát nghe rằng: "Phải, người muốn can ta

đừng lạy các vị Sa môn là nhà ngươi có ý kiêu căng tự đắc.Nhưng cái đầu của Trầm đây là một vật hèn-hạ không ai thèm mua , vì cúi xuống mà được thêm cộ đức,thêm giá trị thì phỏng có hại gì?nhà ngươi muốn chỉ trích các Thầy Sa Môn là người các cấp,nghĩa là không sang trọng , nhưng nhà ngươi không rõ ân đức của cácThầy.Khi nào có đi ăn tiệc,ăn đám cưới thời mới nên hỏi đến giai cấp chớ đã đi tu đạo phânbiệt giai cấp làm gì ? người-sang trọng danh giá bịtội nặng thời ai cũng nói ng người nầy là kẻ có tội,và ai cũng đem lòng khinh bỉ. Nếu con người hèn hạ màtu nhân tích đức thời ai cũng kính trọng,ai cũng cúiđầu V ua nói đến đây,bèn chỉ hắn vào mặt ông Da Tátnói lớn rằng:"Nhã ngươi h á lại không biết câu saunầy của Đức Phật Thích Ca hay sao ? Ngãi dạy:"Người có trí thời dầu vật không có giá trị cũng làm nên c ó giá trị".Ta muốn theoPhật người lại can gián ta, ầy là bất trung.Đến khi thân ta nằm xuống đất như cây mía kia,thời đầu muốn lạy muốn cung kính cũng không sao được nữa,thời làm thế nào được công đức. V ậ y người nên để yên ta lạy-các vị Sa Môn kiếm chút phúc đức.Nếu người nào đám tự nói"ta là người đáng tôn trọng hơn tất cả,thời người ấy làngười u mê nhất đời.Nếu lấyhuệ nhãn của Đức Phật mà xem xét thân thể,thời biết thân ông vua và thân ng người mọi cũng giốngnhau, cũng da thịt xương, khác nhau chỉ có cái phù hoa bề ngoài.Nhưng cốt yếu ở đời là lòng đạo đức,thời trong thân thể người hèn hạ nhất đời cũng có thể có được.Chính cái ấy là người trí giả gặp đầu cũng phải cung kính,phải vái lạy vậy".

(Trích trong truyện vua A Dục).

2)ĐỨC PHẬT VỚI LA HẦU LA

Khi La Hầu La(Con củaĐức Phật Thích Ca)chưathành-đạo,tâm tánh thô tháo , lời nói ít thành tín. P Phật bảo La Hầu La rằng: "Ngươi hãy về ở tại Tinh Xá Hiền Độ giữ miệng nh nhiếp ý,siêng tu kinh - giới" La Hầu La vângtheo lời Phật dạy về ở TinhXá Hiền Độ 90 ngày,tâm qúy tu học ngày đêm không dã

nghỉ.Đức Phật an tọa, nh nhiếp tâm đứng hầu một bên Phật.Phật bảo La Hầu La rằng:"người hãy bưng chậu nước đến đây, r ử a chân cho ta" La Hầu La v vâng lời rửa chân Đức - Phật.Khi rửa xong Đức - Phật bảo La Hầu La rằng: Ngươi có thấy nước rửa chân trong chậu kia không?

- Bạch Thế Tôn,con thấy.

- Nước ấy có thể dùng để ăn uống súc miệng được không?

- Bạch Thế Tôn,khôngthể dùng được.Nước ấy trước kia trong sạch,nay vìrửa chân trở thành nhớp đục nên không thể dùng. Phật dạy rằng:"Người cũng như vậy,là con ta,là châuvua Tịnh Phạn,bỏ sự vui sướng ở đời,làm vị Sa Môn; nếu người không tinh tấn , n nhiếp thân giữ miệng,thì phải bị ba món là tham , sân si làm nhơ nhớp tâm ý,cũng như nước đục kia không thể dùng được".

Phật lại bảo La Hầu La : "Hãy đổ chậu nước kia đi La Hầu La liền đổ nước trong chậu ra.

Phật nói:"chậu kia nay không còn nước nhớp nữa vậy có thể dùng để đựng đồ ăn uống được không"?

- Bạch Thế Tôn,khôngthể dùng được,là vì đã mang cái tên chậu đựng nước rửa và đã từng chứanước bất tịnh.

Phật dạy La Hầu La:" Ng Người cũng như vậy; tuy là vi Sa Môn,miệng không nói lời thành tín, tâm tánh lại cương cường , chẳng niệm tinh tấn,thu thường bị tiếng đồn khộ tốt.Thật cũng như cái chậu rửa kia,không thể đựng đồ ăn được".

Đức Phật lấy ngón chân hất cái chậu rửa, khiến chạy lăn tròn, nghiêng qua nghiêng lại vài lần mới dừng lại.Phật b ả o La Hầu La:"Người cóbiết cái chậu nầy bị bể khộ"

- Bạch Thế Tôn,cái chậu để rửa chân là vật không qúy giágì.Trong ý tuy cũng có tiếc đối chút , nhưng không đến nỗithiế thiết tha lắm.Phật bảo La Hầu La:"Người cũng như vậy,tuy làm ngườiSa Môn,không nhiếp thân và

miệng,nói lời thô ác làm hại nhiều người,thời trg chúng không ai thương , người trí thức không ai tiếp,thân chết hồn luân chuyển trong 3 đường dữ, sống chết vô lường , các vị hiền thánh không ai thương tiếc;cũng n h ư người nói không tiếc cái chậu nứa".La Hầu La nghe lời Phật dạy,lấy làm hổ thẹn và sám hối tất cả lỗi lầm đã phạm.

(Kinh Pháp Cú thí dụ).

3) ĐỨC PHẬT ĐỘ CHO NGƯỜI GÁNH PHÂN.

Thành Xá Vệ có một người Chiên Đà La,sống về nghề đổ phân.Một hôm Đức Phật gặp đi giữa đường bènkêu lại.Người đổ phân thưa rằng:"Con là người gánh-phân ô uế không sạch,con không dám lại gần Ngài". Đức Phật nói rằng:"Tanay muốn cứu độ cho ngươi" . Rồi Đức Phật tự thân dắt người gánh phân,xuống sông Hằng tắm rửa sạch sẽ, và đưa về Tịnh Xá Kỳ - Hoàn cho xuất gia làm vị Sa-Môn.Người gánh phân tu-hành rất tinh tấn , cần khổ chuyên tâm,nên chứa đầy một tuần,chứng q u ả A La Hán,thần thông tự-tại.Lúc bấy giờ vua trong nước nghe tin Đức Phậtd độ cho một người Chiên-Đà La,lấy làm bất mãn , cho rằng làm vậy ô nhục hàng Sa Môn,và làm khó khăn sự kính lễ của các hàng vua chúa,liền đến Tinh Xá chất vấn Đức - Phật.Khi đến chỗ Phật ở thấy một vị Sa môn uy-nghi đức hạnh,ngồi Thiê Thiền trên một tảm đá, hiện nhiều thần thôngkỳ diệu.Vua vào lễ Phật và bạch rằng:"Bạch Thế Tôn vị Sa Môn,danh hiệu là gì,sao lại có nhiềuthần thông như vậy"?Phật bảo rằng đó là người gánh - phân,nhờ công hạnh tinh tấn nên chứng được quả A La Hán" rồi Đức Phật dùng thí dụ cho Vua rõ rằng:"như ở trong b ù n nhơ bẩn,có nở một h o a sen thơm ngát,vậy Bệ - hạ là người có mắt, Bệ-hạ có hái lấy hoa kia không?" Vua đáp:"Đóahoa tuy mọc trong bùn lấymà thơm ngát hương quý,rất nên dùng để tự trang - nghiêm.Còn bùn lấy nhơ bẩn kia thì nên quánxem như là trạng thái củabà mẹ,chính từ trong bào thai mà sanh nở đóa hoa công đức".

Lúc bấy giờ vua lạibạch Phật rằng: Vị A La Hán trước làm nghề đổ phân nay công quả tu - hành

viên mãn, chứng được những quả đức không thể nghĩ - nghì. Tôi xin nguyện luôn luôn cúng dường mười món cần thiết, không dám để thiếu thốn.

Ba chuyện tiền thân

1) Thái Tử Tu Đại Noa.
2) Con sư tử trọng pháp.
3) Quả báo làm mẹ đau khổ.

1) THÁI TỬ TU ĐẠI NOA

Ta nghe như vầy:
Một thời đức Thế Tôn ngự tại nước Xá Vệ nói rằng Kỳ Hoãn, tại A luận trong vườn A Nan Phần đề với vô số tỳ kheo, tỳ kheo ni ưu bà tắc, ưu bà di. Lúc ấy Ngài ngồi chính giữa, có bốn hãng đệ tử châu-chực xung quanh. Bổng Ngài mỉm cười và nơi miệng có chiếu hào quang năm sắc.

Ông A Nan đứng dậy, sửa y phục trang nghiêm, chấp tay quỳ xuống và nói: "...Bạch đức Vô Lượng Thọ đã 20 năm, con hầu cận Ng Ngãi, chưa hề thấy Ngãi cười lần nào như hôm nay Bạch đức Chánh Biến Giác hiện giờ Ngài nhớ đến chủ Phật qúa khứ, hiện tại, vị lai chăng ? con rất mong đợi biết vì sao Ngài lại mỉm cười như thế "?

Phật đáp: "ta không tưởng tới Phật qúa khứ, hiện - tại, vị lai. Ta nhớ các hạnh bồ thí Ba La Mật đa của ta hồi vô lượng kiếp trước".

Ông A Nan nói: Bạch Đức Vô Lượng Quang, xin Ngài hoan hỷ cho con biết pháp ấy ra sao?

Phật nói: "Thuở A Tăng kỳ kiếp, có một nước hiệu là Diệp Ba, vua tên là Thi Tí

lập phép chơn chánh trị vì, chẳng hề làm tổn hại lê dân. Vua có bốn ngàn quan thượng-thơ 500 thớt voi bạch, cai-quản 60 tiểu bang và t á m trăm thôn xã. Vua tuy có hai muôn vương phi mỹ nữ, song không có bà nào có con. Ngài khẩn cầu khắp nơi, tu - luyện đạo đức. May thay! một bà bổng có thai. Thiên Tử bổn - thân săn sóc chánh cung rất chu - đáo. Ngài lại ra lịnh lo nào nệm thúy gối loan cho bà an nghỉ, nào món ăn cho mỹ vị, thức uống cho tinh khiết đặng bà dùng. Sau chín tháng đến ngày mãn nguyệt khai hoa. Bà sanh Hoàng Nam. Hay tin nầy, ca thảy qúi phi trong cung-điện đều hớn hở vui mừng.

Thoi gian qua, Thái Tử đã được 16 tuổi. Ngài văn võ kim toàn lại thêm lễ nhạc cung đ à n cũng là tột chúng. Ngài phụng kính Hoàng Phụ và mẫu - hậu chẳng khác chi tiên thánh. Vua cha lại dựng thêm c h o Hoàng Tử một tòa đài cátnguy nga rực rỡ.

Tuy trẻ tuổi, song Đông cungg lại qúi sự phước thiện, bốthí cho nhân loại thượng cầm hạ thú. Ngài chỉ muốn cho tất cả chúng sanh được an vui, tự tại.

Khi đến tuổi trưởng thành, vua cha đính hôn cho Ngài với nàng Mạn Trà, con một vị Thiên Tử, công chúa sắc đẹp tuyệt trần và đức hạnh không ai sánh kịp.

Ngày tháng qua, Đông cungsanh được một trai một gái.

Thuở ấy, Hoàng Tử nhớ ă ê n pháp bố thí Ba La Mật. Ngài xin phép vua cha ra thành dạo chơi và xem cảnh vật. Ngài thấy những người nghèo đui, điếc, câm đi dọc đường, trong lòng ưu ái, không hân-hoan chút nào. Vua cha hỏi, Đông Cung nói: "Tâu Hoàng Phụ con ra thành thấy người nghèo điếc, đui, câm, : con động, mối tư tâm, xót lòng trắc ẩn. Con muốn tâu Hoàng Phụ biết ý muốn của con, song con c ò n ngần ngại e Hoàng Phụ không nhận lời".

Hoàng Thượng nói: "Con muốn điều gì, cha cũng hoan hỉ cho như ý". Đông Cung nói: " C o n muốn lấy tất cả của cải trog kho tàng của Hoàng Phụ, đem bố thí cho mọi người bất luận ai xin vật chi thì con cho vật ấy". Hoàng Phụ đáp: " Hay thay, con cứ thi hành theo bổn nguyện, cha không cấm cản"

Đông Cung xin các quan hầu-cận đem đồ châu báu ra bày

biên nơi bốn cửa thành và ngòai chợ đặng bố thí cho tất cả nhân loại. Tám phương trời đất đều hay việc làm của Hoàng tử. Bốn hướng xa xôi ngàn dặm, đua nhau lặn suối trèo non, đến thọ thí. Người đói rách, Hoàng Tử cho ăn mặc, kẻ xin bạc vàng châu báu, Hoàng Tử lại cấp cho, ai ai cũng được thỏa lòng hả dạ.

Thời ấy có một ông vua nghịch sinh lòng nhàm hiểm, hay tin Hoàng Tử bố thí bất luận ai cùng vật gì, Mời hội các đình thần và các vị Bà La Môn trong nước bàn bạc rằng: "Ta nghe vua nước Điệp Ba có một thớt bạch voi, tên là Tu Đàn Diên chạy bay được trên liên hoa. Voi ấy dũng mãnh lại mạo hiểm trong việc chiến tranh, trăm trận trăm thắng, cha biết chư khanh có ai chịu xin voi ấy chăng"? Các quan văn võ lắc đầu trượng mắt nhìn nhau: Song trong số Bà-La Môn, có tám ông tâu rằng: "chúng tôi nguyện làm như ý, cúi xin Hoàng Thượng ban cho chúng tôi ít đồ hành lý". Vua dạy cấp đồ đi đường và nói rằng: "Ta rất tin cậy các người, nếu các người xin được voi ấy, ta sẽ trọng thưởng".

Tám ông Bà La Môn tay cầm tích trượng lên đường, khi lên thác xuống ghềnh: lần hồi đã tới nước Điệp Ba. Chúng hỏi thăm đến trước cửa đền Hoàng-Tử, thấy đều chống gậy kim - cương, chân đứng treo, day mặt vô cửa. Người giữ cửa vào báo cho Đông Cung Ngài liền ra thì lễ một cách tôn trọng, chẳng khác chi nghĩa cha con. Đoạn Thái Tu hỏi: "Bạch Quý Ngài, Quý Ngài ở đâu đến đây? đi đường sá xa xôi có cực khổ chăng? cam phiền Quý Ngài cho tôi biết có chuyện chi quan hệ mà phải nhọc-nhằn treo chân thế này"? Tám vị Bà La Môn đáp: Thưa Hoàng Tử Đông Cung, chúng tôi mạn-nghe Đông Cung mở đường phước thiện, bố thí bất luận là ai cùng bất cứ của cải gì nên, danh thơm của Ngài truyền khắp 8 phương, công đức của Ngài quả thật vô lượng vô-biên, xa gần đều chúc tụng, không còn một ai không biết đến, Chúng bần đạo lấy đó tin chắc chắn như lời. Thưa Hoàng Tử Đông Cung, thật Ngài là con cõi thượng thiên, thế thì lời nói của Ngài còn hơn kim thạch. Vậy nếu Ngài thành - tâm bố thí, chúng bần đạo xin Ngài hoan hỷ cho chúng tôi bạch tượng bay trên liên hoa

Đông Cung liền lại chuồng tượng dắt ra một con voi - bạch, song các vị Bà La Môn lại nói: "Thưa Hoàng Tử Đông Cung, không phải thớt voi này, chúng tôi xin đây là xin bạch tượng chạy được trên hoa sen tên nó là Tu-Đàn Diên". Hoàng Tử đáp: "Cha tôi thương mến voi ấy lắm, chẳng khác chi tôi, tôi không thể tự quyền cho các Ngài; Nếu tôi cho thì cha tôi hết

thưởng tưởng tôi, lại c ộ nd đuổi tôi ra khỏi nước nữa". Nhưng Đông Cung lại nghĩ rằng "Trước kia ta đã lập t r ọ ng nguyện "Bố thí như ý", nếu nay ta từ chối thì ta tự bác đại nguyện của ta. Ta nên cho voi ấy mới đạt pháp Ba La Mật đa" Đông Cung không còn ngần ngại nói: "Bạch Qúy Ngài, tôi không dám làm Qúy Ngài phải b ậ n lòng vì một sự nhỏ nhen đó". Hoàng Tu dạy tùy tùng thắng bành vàng và dắt tượng ra tức tốc. Tay trái Ngài bưng nước rửa tay cho các vị Bà La Môn tay mặt dắt voi trao qúykhách Vua được voi bạch, tám ông Bà La Môn liền ca tụng "Bố Đế Tâm" và cảm tạ Đông Cung, lộ vẻ hân hoan và vội vàng lên đường. Đông Cung lại còn nói với: Xin Qúy Ngài hãy đi cho chóng, kẻo Hoàng Phụ tôi biết lại c h o người theo bắt voi". Trongnháy mắt, tám ông Bà La Môn b i ệ t dạng.

Vua nghe Hoàng Tử cho kẻnghịch nghịch tượng báu, các quan văn võ đều sửng sốt, lo sợ rằng: " nước ta nhờ có voi ấy mà dẹp nạn can qua". Quần thần liền vào tâu với vua. "Muôn tâu Bệ-Hạ. Đông Cung đã đem voi b á u cho kẻ thù nhà, Bệ Hạ d ự n g nên bờ cõi cũng nhờ có voi ấy oai phong lẫm liệt, một mình có thể chống cự sáu chục thớt voi khác như chơi; nay Đông - Cung lại cho kẻ nghịch, chúng hạ thần cho đó là điềm m ấ t nước. Chúng tôi tâm hồn rối loạn, cúi xin Hoàng Thượng, định đoạt Bố Thí như ý của Đông Cung theo thiện ý của chúng tôi thì chẳng k ị p thị chầy, Hoàng Tử chẳng-những vét sạch cả của cả i trong kho tàng mà thôi, lại chúng tôi sợ e Ngài còncho luôn cả nước và vợ conNgài nữa.

Vua nghe tâu không vừa lòng liền cho đòi một vị Đ ạ i thượng thơ đến hỏi: "Khanh-cho Trẫm biết có phải Thái Tử bắt bạch tượng cho kẻ nghịch chăng ?".

- Muôn tâu Bệ hạ quả thật-như lời.

Vua hội nghị cả thảy đình thần để thẩm án Đông Cung. Một quan Thượng thư tâu ;" Kẻ nào vào chuồng tượngthì chặt chân, kẻ nào dắt tượng thì cắt tay, kẻ nào thấydắt tượng thì móc mắt". M ộ t quan Thượng Thư khác lại tâu "Xin Hoàng Thượng cọng án tử hình cho cả thảy thủ phạm và đồng loả". Thấyquần thần phân vân và ý - kiến không đồng, vua lại thêm tha thiết và phán vớitriều đình. "Con trẫm chẳng nhưng hạm tu huệ mà thôi, lại còn mở đường phước thiện. Vôi với những điều ấy Trẫm khô

thể ngăn cản, huống chi nay Tr Trậm nỡ đành bắt buộc hành-hình cùng hạ ngục". Một vị Đại Thượng Thọ bác bẻ ý kiến cả thảy triều thần, rồi quỳ xuống tâu:

"Theo thiển kiến của tôi, Ngài nên đuổi Thái Tử ra khỏi nước và đày người ở chốn lâm s ó n 12 năm hòng người ăn năn hối ngộ".

Vua theo ý kiến ấy, dạy đ ò i Đông Cung vào và hỏi: "Có phải người bắt bạch tượng cho k ẻ nghịch chăng"?.

- Muôn tâu Hoàng Phụ quả thật như vậy.

Vua lại hỏi: "Sao người l ạ i dám bắt bạch tượng cho k ẻ nghịch mà không trình cho ta hay trước"?.

Thưa Hoàng Phụ, trước kia Hoàng Phụ cho phép con bố thí như ý và không ngăn cấm một việc chi. Bởi thế nên con không tâu lại với Hoàng Phụ việc c o n làm phước.

Thánh Hoàng nói: "Lịnh ta ban thuộc về đồ ngọc ngà, châu báu chớ không can hệ đến bạch - tượng".

Thái Tu đáp:

"Muôn tâu Hoàng Phụ, các vật ấy đều là của cải của Hoàng-Phụ tất cả con không n g ờ phải trả bạch tượng".

Hoàng Phụ phán: "Người phải tức tốc ra khỏi nước này, ta đày người ở núi Đàn Đặc (Dan-ta) 12 năm".

Thái Tử tâu "Con không d á m cải lệnh Hoàng Phụ, song con xin Hoàng Phụ cho phép con ở lại thêm bảy ngày đặng bố-thí thêm cho mãn nguyện".

Thiên Tử phán: "Ta dạy đuổi người cũng vì sự bố thí của người thái qúa, chẳng những-làm tiêu tan kho báu của ta, lại làm cho nước mất một linh vật. Người không được ở l ạ i đây thêm 7 ngày nữa, hãy r a khỏi nước bảy giờ, ta không c cho phép đâu".

Thái Tử tâu "Con không dám trái lệnh Hoàng Phụ, nhưng vì con còn chút của cải riêng muốn, đem bố thí cho trọn vẹn, chớ con không dám đá động đ ế n kho tàng của nước nữa"...

Hai muôn cung phi đồng x i n vua để cho Hoàng Tử ở l ạ i

7 ngày rồi sẽ đi cũng chẳng muộn.

Vua nhận lời.

Thái Tử dạy gia đích truyền cho thập phương hay: ai muốn của cải thì đến Ngài cung cấp cho.

Nhân dân ở bốn phương trời nghe đồn đều đến cửa đến ; Hoàng Tử rất ân cần thiết đãi khách ăn, chăm nom phân phát của cải, mọi người đều được vui vẻ. Trong 7 ngày, bố thí cho của cải. Người hàn vi trở nên phú quý: cả muôn người nhờ đó được no ấm hân hoan.

Đông Cung vào tâu cùng Bà Mạn Trà nói rằng:" Vì tôi bố thí thái quá đã vét sạch kho tàng lại chỉ cho kẻ nghịch tử ông bạch kỳ tài, nên Hoàng Phụ và triều đình đày tôi 12 năm lên núi Đàn Đặc.

Bà Mạn Trà nói:"Muốn nước nhà an, tôi xin cầu chúc đức Thánh Hoàng các thượng quan cùng các quan dân lớn nhỏ trong nước thảy đều được giàu sang, an vui vĩnh viễn. Còn tôi thì tôi nguyện theo dõi Thái Tử vào chốn thâm sơn mà tu hành pháp Bát Nhã".

Đông Cung nói:"Người nam tử ở núi non hiểm địa còn khó giữ được bình tĩnh với cọp hùm cùng các loài thú dữ khác: Vương Phi đã quen thanh nhàn làm sao chịu nổi với cảnh khổ khăn và đói vô vị. Công chúa ở trong thì đài các nguy nga mặc rỡng tơ lụa, nghỉ toàn nệm gối ăn uống tinh đồ mỹ vị, còn trên sơn lâm, nghỉ ngoài màn trời chiếu đất, nệm gối bằng cỏ rơm thức ăn toàn là hoa quả. Lại thêm mưa, gió, sấm, sét, sương, tuyết làm cho vỡ mật kinh tâm. Khi lạnh thì lạnh thấu xương, khi nóng thì nóng phỏng trán. Nơi cây cối không bề nương dựa, dưới đất thì có gai sỏi đá cùng loài sâu bọ độc địa, làm sao phụ nhân lại chịu nổi cảnh khổ ấy"?

Bà Mạn Trà đáp:"Nếu thiếp xa cách Hoàng Tử thì cần gì nệm thúy gối loan, sơn hào hải vị. Hôm nay đứng trước hoàn cảnh này, thì lẽ đương nhiên chàng đâu thiếp đó cho trọn đạo vợ chồng. Nước lấy cỡ làm biểu hiệu, khói thì có lửa, vợ thì có chồng. Thiếp chỉ biết gởi thân cho Lang Quân mặc dầu mưa sớm nắng chiều. Thiếp tưởng: Lang Quân chẳng khác chi thân thức của thiếp thiếp, nếu thân thức xa lìa thì thân kia tan rã. Vả lại lúc Lang Quân lập đàn bố thí, thiếp cũng dự vào, khi Lang Quân lìa quê hương nếu

có người đến xin thọ thì thiếp thiếp biết nói làm sao với họ? Lúc thiếp nghe ai khẩn - cầu với thì chủ, thiếp quá cảm động có thể chết đặng vậy

Vông Cung nói: "Tôi mở đường bố thí, không từ chối một ai, nếu có người đến xin hai con tôi rất hoan hỉ nhận lời. Khi ấy công chúa không vui lòng hưởng ứng, có phải là làm rối loạn tâm tu thiền của tôi không? Tốt hơn Công chúa đừng theo tôi làm chi".

Mạn Trà đáp: "Hoàng Tử chớ có lo xa, tôi xin tán thành mọi việc phước thiện. Lang quân nói trong trời đất không có ai nhân đức hơn lang quân!"

Đông Cung nói: "Nếu quả Vương nhi đồng tỉnh thì không gì quý hoá bằng!"

Đông Cung dắt vợ con vào vg viếng mẹ và tâu giã lên đức Thái Tử thưa; "Cúi xin mẫu hậu hãy năng nhắc nhở Thánh Hoàng lấy luật chơn chánh trị nước chăn dân, chớ để tà đạo sang nhập nước nhà".

Nghe lời Đông cung, Hoàng Hậu bồi hồi cảm động âu sầu. Bà nói giữa cung phi: "Ta đem thân cứng cỏi như sắt đá, lấy lòng bền bỉ hơn gang thép mà phò Hoàng Thượng không chút chí lỗi lầm. Nay ta có một mụn con vốn vẹn, nó lại bỏ ta mà đi tưởng tới chừng nào thì tâm - bào ta đứt từng đoạn! Nhớ khi con còn trong bụng mẹ, chẳng khác chi lá trên nhành, càng ngày càng lớn, ta nuôi con đến tuổi trưởng thành, nó lại đi xa bỏ ta hiu quạnh! Các vương phi khác sẽ được hưởng thú vui chơi, còn ta thì Hoàng Thượng sẽ hết yêu vì ta nữa. Ta xin thành tâm chí nguyện cùng cao, xanh cho con ta được mau trở về xứ sở".

Đông Cung cùng vợ con lạy mẹ rồi lui ra.

Hai muôn Quý phi mỗi bà đều đem ngọc trân châu dâng biếu cho Đông cung; bốn ngàn Thường thứ đem trăng hoa và bảy báu dâng cho Hoàng Tử.

Thái Tử ra cửa thành hướng Bắc Ngài lấy cả thảy bảy vật báu ngọc và bông hoa bố thí cho mọi người. Cả thảy quan dân lớn nhỏ vô số đến đưa đón chật đường, chen nhau đưa lễ vật cùng chúc tử cho Hoàng Tử. Họ bàn luận cùng nhau và nói; "Đông cung Thái Tử là người trọn lành là bậc vĩ nhân trong nước. Vì sao Hoàng Thượng lại

xưa đuổi một vị Hoàng tử quý nhất và hiếm có nhất trong đời nầy"? Cả thảy mọi người đều hoài tâm thương tiếc.

Ra khỏi thành, Hoàng Tử xin thân dân trở gót đưa Ngài lên đường. Lúc quay lưng, quan dân lớn nhỏ đều bi cảm và khóc than nức nở.

Thái Tử lên xe với vợ con, tay cầm cương dục ngựa đi một khoảng đường xa xa, Thái Tử dừng xe dưới bóng cây nghỉ mát bỗng có một người Bà La Môn đến xin Ngài con ngựa. Thái Tử mở ngựa ra cho rồi để 2 con lên xe, tự mang gọng xe vào vai kéo thế cho ngựa, Công chúa thì ở sau xe đẩy tới. Đi thêm một khúc đường, lại gặp một người Bà La Môn đón xin cả xe. Đông Cung liền nhận lời. Đi một khúc xa hơn nữa, lại gặp một người Bà La Môn xin bố thí. Thái Tử nói: "Tôi không muốn từ chối song của cải của tôi đã hết cả". Người Bà La Môn đáp: "Nếu Ngài không có của cải gì khác, nhờ Ngài cho tôi y phục của Ngài đang mặc trong mình". Đông Cung lấy quần áo tốt của mình mà cho, rồi mặc đồ cũ. Đi một đỗi xa nữa, gặp một người Bà La Môn khác đến xin bố thí, Đông cung cho quần áo của vợ. Một đỗi xa hơn nữa, lại gặp một người Bà La Môn đến thọ thí, Ngài cho quần áo của hai con. Đông cung đã bố thí cả xe, ngựa, của cải và quần áo mà không buồn không tiếc chút nào. Bấy giờ Đông Cung thì còng con trai, Công Chúa thì bồng con gái, đi bộ lên đường. Cả thảy vợ chồng con cái đều hân hoan, nhắm non cao thẳng dặm. Núi Đàn Đặc ở xa lắm, cách châu thành hơn 6 ngàn dặm. Muốn đi đến nơi, phải trải qua không biết bao nhiêu hầm hố buồn lấy, phải nhịn đói chịu khát nữa.

Cứ ngày đi đêm nghỉ, xuân qua thu lại, hè mãn đông sang, tội nhân đã đến núi Đàn Đặc, Hoàng Tử nhắm xem phong cảnh thấy núi cao chóm chóm oai nghi, cây cỏ sầm uất thanh mầu. Các thứ chim ca hót với giọng véo von, hồ trông hoa nở nước non trái ngọt vô sô ngông, hạc, vịt, cùng các loài chim ăn dưới nước.

Hoàng Tử nói với vợ: "Ở đây cây mộc thẳng băng, cao sừng sững tận trời xanh mà không cây nào lay động. Chúng ta sẽ được uống nước ăn trái ngọt, ở trong hang đá; chúng ta sẽ hành pháp Bát Nhã". Đông Cung vô núi cả thảy thượng cầm hạ thú đều vui mừng đến nghinh tiếp Ngài.

Trên chót núi có một vị tu-

hành tên là A Châu Đà , Ngài được 500 tuổi và đức hạnh dg aung thông.Đông Cung đến thi lễ rồi lui ra đứng dậy m à nói:"Bạch Ngài,hiện giờ chúg tôi chưa biết phải ở nơi nào có thức ăn uống"?

Ông A Châu Đà đáp:"toàn núi nầy đều là cảnh thiên thai, Ngài ở đâu lại không được ? Núi nầy chỗ nào cũng trong sạch thanh tịnh,Ngài m u ố n hành pháp Bất Nhã lại c ò n đem vợ theo làm chi".

Hoàng Tử chưa kịp trả lời,bà Mạn Trà chận hỏi:Ngài tuđược bao lâu?

- Tôi ở núi nầy được đâu 400 hay là 500 năm.

- Một người như tôi ước tử b bao nhiêu năm mới được đắc huệ ? Giả tỷ tôi ở núi n ầy lâu hơn cỗ thọ cũng khó tính cho ra đến chừng nào đ ạ t được đạo Bồ Đề.

Ông tiên đáp:"Kỳ thật m ấ y câu chuyện ấy,tôi cũng không biết được".

Đông Cung hỏi:"Ngài có nghe nói đến tên Thái Tử Tu đại - Noa,con của vua nước Diệp Ba chăng?

Vị tu sĩ đáp:"Tôi thường nghe nói tới tên,song không biết mặt".

Thái Tử nói:"Đông cung ấy l à tôi đây vậy".

Vị tu sĩ hỏi:"Ngài muốn t u pháp môn nào"?

Thái Tử đáp:"Tôi muốn tu theo Đại Thừa".

Vị tu sĩ nói:"Đối với công-đức của Ngài,tôi tưởng chẳng bao lâu Ngài đạt mục đích một cách viên mãn.Chưng Ngài đắc đạo vô thượng,hoàn toàn sáng suốt,tôi sẽ là đệ tử thứ nhất của Ngài có phép siêu p h à m nhập thánh".Rồi ông lại c h ỉ cho Thái Tử một chỗ ở Thái Tử bắt chước ông trồng cường vào đầu và vấn tóc,luộm nhánh và lá cây cất bốn lều tranh cho mình vợ và con.

Con trai tên là Da Lị(Jali) 7 tuổi,mặc quần áo bằng cỏ rơm theo cha,con gái tên là Kê Na Diên(Krsnâjinâ)mặc quần áo da nai theo mẹ.

Trên núi chim chóc và cầm thú vui cười,tỏ lòng tín - ngưỡng và sùng bái Hoàng Tử.Khi Thái Tử ở đâu tới đâu thì ở đó hag hóc đều nổi mạch nước,cây khô

lại đâm bông trổ lá, loài sâu-bọ và các thú thấy đều trốn mất, loài thú ăn thịt trở lại ăn cỏ, cây sây trái, chim đồng tình kêu hót. Bà Man Trà l o hái trái cho Hoàng Tử và cho con ăn. Còn hai trẻ khi thì đi chơi với cầm thú, nơi mé r rạch, khi lại đó suốt đêm. Lần kia đuổi thú chơi, con trai-Da Lị cỡi sư tử, sư tử nhảy, Da Ly té xuống đất trầy mặt chảy máu. Một con khỉ thấy, leo lấy lá cây chùi máu, rồi dắt lại bờ ao rửa. Hoàng t ử thấy tấn tuồng ấy, thầm nói: "Loài cầm thú cũng có lòng th thuồng nhân loại như vậy".

Trong thời kỳ ấy, tại xứ Câu Lưu có một người Bà La Môn n nghèo khó, bốn mươi tuổi, không con. Vợ chàng thì yêu điệu đẹp đẽ, phương phi, còn chàng thì xấu xa, mình mẩy đen đủi, diện mạo qủa dị tuồng, chẳng khác chi yêu ma quỷ mị. Vợ chàng gớm ghét mong sao chàng chết phức cho rồi. Ngày kia cô ta đi múc nước gặp một đám trai tráng nhạo báng chồng nàng và nói: "Bà thì vì tợ thiên kim, cớ sao lại làm vợ một người như thế"?

Cô ta trả lời: "Cái đầu g i à nua ấy bạc trắng như sương, sớm tối tôi hằng trù rủa cho nó chết, chẳng biết sao n ó không nhúc nhích". Đáp rồi tự than thân tủi phận, về n h à khóc nói với chồng: "Thiếp đi múc nước gặp một lũ trai tở xúm nhau diễu cợt. Vậy chàn g phải kiếm cho thiếp một con đòi, chừng nào có đứa ở, thiếp khỏi đi xách nước, bọn ấy mới hết chọc ghẹo thiếp".

Người chồng trả lời: " T ô i nghèo xác da xác chiếu, nàng lại muốn kiếm tôi mọi ở đâu"

Vợ đáp nếu không có, tôi tình nguyện bỏ nhà ra đi. Nàng lại tiếp lời: "tôi có nghe Hoàng tử Tu Đại Noa, vì bố thí thái qúa nên vua cha đày tại núi Đàn Đặc. Ngài có một trai, một gái, chàng nên thân hành đến đó xin hai trẻ".

Chồng bác lời rằng: "Núi Vàn Đạc xa hơn 6 ngàn dặm, khó đi đến nỗi, huống nữa là xin Thái, Tử một việc mà Ngài không thể cho"!

Vợ lên tiếng "nếu chàng còn du dự, tôi sẽ mượn con d a o tự tử ngay"

Chồng xuống giọng: "thôi đừng vội giận, nàng coi sắm c h o tôi ít đồ hành lý".

Vợ nói: đi thì đi đi nhà t a thiếu trước hụt sau, còn đ ồi đồ hành lý gì"?

Người Bà La Môn cụ bị ít món ăn rồi lên đường. Đến xứ Việp Ba đi ngay lại cửa thành, chàng ta mới hỏi người giữ cửa: "Xin ông thi ân cho tôi biết Hoàng Tử Đông cung Tu Đại Noa hiện giờ ở đâu"

Người giữ cửa không dám trả lời vào báo Hoàng Thượng hay vua nghe tức giận và phán rằng "cũng vì lũ nầy mà ta đầy Thái Tử, sao chúng nó lại đến đ â y làm chi"?

Người Bà La Môn được đòi vào qùi tâu: "Muôn tâu Thánh Hoàng tôi ở xa xa lại, vì cái thanh danh của Hoàng Tử Đông Cung, đâu đâu đều biết trên thấu tử thiên, dưới tận cửu tuyền. Đông cung có lòng Bác ái không h ề để một ai thất vọng. Bởi vậy n nên ở xa, tôi cũng lặn l ộ i đến đây chú ý thành tâm yêu cầu một đôi việc cùng Hoàng - Tử".

Vua nói: "Đông cung ở chốn quạnh hiu trong thâm sơn và qúa nghèo khổ, người còn có vật chi nữa mà bố thí".

Người Bà La Môn tâu: "Muôn tâu Hoàng thượng, tuy biết Đông - cung khiếm khuyết mọi vật, song tôi cũng chỉ nguyện đến t ận nơi ra mắt Ngài".

Vua dạy người đi chỉ đường.

Người Bà La Môn nhắm núi đàn Đặc thẳng dặm băng ngàn. Chàng vào núi gặp người thợ săn hỏi: "Xin ông thi ân cho tôi biết Hoàng Tử Tu Đại Noa có ở trên núi nầy không"?

Thợ săn tuy biết Đông Cung bị dày ở đây cũng vì bố thí cho giòng Bà La Môn song khô chỉ chỗ lại còn bắt chàng tr trói vào gộc cây đánh m ộ t trận như tử, mang nhiếc q ú a lời và nói: "Ta muốn chongười vài mũi tên và ăn thịt người người còn thiếu vật chi, m à đến đây hỏi thăm Thái Tử".

Người Bà La Môn nghĩ: " Ta sẽ bị tay người nầy giết, vậy ta phải thiết kế đánh lừa người mới mong toàn tánh mạng". Ng Nghĩ rồi liền nói: "Theo l ẽ phải thì Ngài nên hỏi tôi ng nguyên nhân trước khi hành phạt tôi cho đáng".

Thợ săn đáp: "Người muốn nói việc chi"?

Người Bà La Môn nói: " Thưa Ngài, Đức Thánh Hoàng hồi tâm thường nhớ Thái Tử Đông Cung dạy tôi đi tìm Hoàng Tử đang thỉnh về nước".

Nghe vậy, thợ săn hối hận lắm liền mở trói ra nhận lỗi và nói: tôi thật vô lễ, xin ông miễn chấp, cũng bởi không hay không biết có chỉ Thánh Hoàng nên mới có lỗi lầm như hôm nay". Nói rồi chỉ chỗ ở của Đông Cung.

Người Bà La Môn đi thẳng tới lều tranh của Đông cung. Hoàng Tử thay đặng rất đỗi vui mừng ra tiếp rước, thi lễ và hỏi thăm. "Ông ở đâu lại? Có lẽ Ông đi đường xa mệt nhọc thì phải Ông đến tôi có việc chi chăng

Người Bà la môn thưa:" Tôi ở xa lắm, thân tôi khốn đốn khốn cùng, đường giờ tôi đói khát nữa".

Hoàng tử lật đật thỉnh vào cốc người ngồi, đem trà nước và trái cây dâng cho người Bà la môn dùng. Khi no rồi, người Bà la môn nói: "Thưa Đông cung Thái Tử, tôi gốc ở nước Câu Lưu, đã Lâu tôi nghe lòng từ thiện của Ngài, thập phương thế giới đều mến danh thơm và đức hạnh của Ngài. Tôi quá nghèo khổ mong Ngài thưởng tưởng tôi cho tôi một vài vật"

Thái Tử đáp: "Kính Ông, chẳng có việc gì tôi từ chối nhưng rủi cho Ông, hiện giờ tôi không còn món gì"

Người Bà la môn nói: "Thưa Đông cung, nếu Ngài không cóg gì xin Ngài cho tôi hai trẻ con của Ngài để phụng dưỡng tôi lúc trở về già."

Hoàng Tử đáp: "Ông ở xa lại chú tâm xin hai con tôi, tôi không lẽ từ chối".

Lúc đó hai trẻ đi chơi. Thái tử kêu lại, và nói:" Có một người Bà la môn ở xa đến xin hai con, Cha đã hứa lời ưng chịu, hai con hãy đi với người".

Hai trẻ chạy đến một bên Cha khóc rằng:" Chúng con đã từng biết nhiều người Bà la môn song chúng con không hề thấy người nào dị tướng như thế. Chắc người này không phải trong họ Bà la môn đâu, người ấy là quỉ yêu! Nay Mẹ con đi hái trái chưa về, Cha lại bắt con cho yêu tinh ăn thịt, chúng con phải chết mất. Vậy chúng Mẹ con về, kêu con chẳng thấy thì chẳng khác gì bò mẹ kiếm con, người sẽ bi lụy, than vản đau khổ."

Thái tử nói:" Hai con chớ nên qúa bịn rịn, Cha đã hứa lời, không thể thất tín.

Người Bà La Môn nầy khôngphải là ma quỷ mi chi,không anthịt con đâu mà ngại gì,hai conhảy đi đi".

Hoàng tử lấy nước rửa tay cho người Bà La Môn,rồi kéo x a y cọp trao cho người Bà La Môn dắt đi.

Hai trẻ không chịu đi, chúng trở lại trước mặt cha,qùy xg xuống và nói:"thưa cha chẳng hay chúng con phạm tội gì nhg kiếp trước mà ngày nay chúng con phải chịu lắm điều thống khổ.Chúng con là dòng vua nay phải làm tôi tớ cho kẻ phàm-phu.Trước mặt cha con xin sám hối các tội lỗi có lẽ nhờ đó sự phiền não và nghiệp chướng của chúng con sẽ được tiêutrừ và hạnh phúc lại đang p h á t khởi,mong sao đời nầy sangđời khác chúng con không còn gặp phải bước gian truân như thế nữa".

Vộng Cung, nói với hai con : " CẢ THẢY AI TỊNH ĐỀU LÀ ẢOMỘNG MỘT NGÀY KIA PHẢI HỦY HOẠI , VẠN VẬT ĐỀU VÔ THƯỜNG,MẤY AI GIỮ TRỌN VẸN MỘT VẬT CHI NỚI TRẦN THẾ". Hai con hảy đi , chúng : ", nào cha đạc đạo Bồ Đề,cha sẽ độ hai con".

Hai trẻ,đôi mắt đỏ ngầu, n ói với cha:"Xin cha trao lờivĩnh biệt của hai con lại cho m con,chúng con quá đau lòng \ nghĩa mẹ con xa cách đời đời lại không giáp mặt tỏ phân mộ lời, trong khi mẹ Bắc con nam Chẳng còn nghi gì nữa,cũng bc tiền căn nghiệp báo của chúng con,nên nay chúng con phảichị vậy.Chúng con nghĩ đến khi m chúng con về thấy mất hai con người sẽ khổ tâm đau đớn , rầ não chẳng cùng,lo cho t h â chúng con phải chịu đói rách phiêu lưu nơi đất khách".

Người Bà La Môn nói:"Tôi g i yếu,hai trẻ bỏ chạy tôi theom chúng nó,tôi lụm cụm theo b ắ chúng nó sao được.Xin Đông cung trói nó giùm tôi"

Thái Tử liền trói hai con giac cho người Bà La Môn dắt đi,nhc hai đứa nhỏ cương lại chẳng đ người Bà La Môn mới đánh chảy máu.Đau đớn thay cho Đông Cung thấy tình cảnh như vậy đ ộ nc lòng sa nước mắt.Cả trái đ-ầ ấ rung động.Hoàng Tử và cầm thú theo sau đưa đón hai trẻ , tới chúng biệt dạng, mới trở về.Các loài lục súctrở lại chỗ cũ hai trẻ thường chơi,thấy cảnh chẳng thấy người,xúc động rên lathảm thiết,lăn lộn dưới đất.

Người Bà La Môn dẫn hai đ ứ a nhỏ đi được xa xa,dọc đườngđứa trai vấn dây trói vào cây không chịu đi,chú ý chờ mẹ chúng n ó đến cứu.Người Bà La Môn n ô ' i

giận,lấy cây đánh như tử , đến chừng chúng nó xin thôi đánh,chịu đi,mới nới tay.

Hai đứa nhỏ ngước mắt l ê n trời vái rằng:

Thần linh ôi!Hỡi thần linhôi
Hoan hỷ mách giùm mẹ chớ tôi
Xót dạ con đi sầu chất chứa,
Đau lòng mẹ ở lụy quên thôi.
Chạnh tình nuôi dưỡng c h ửa thù đáp,
Đoái nghiã cưu mang chẳngđắp bồi.
Ô biết bao giờ cho rảnh ng nghiệp?
Cuộc đời thiệt tưởng bạc hơn vôi.

Cũng ngay lúc đó,Công chúa ở trên núi ,nhảy mắt khó chịu Bà lấy làm lạ và nghĩ:" Thuở giờ tôi chẳng hề có cảm động thái qúa như hôm nay,chắcchai trẻ mắc phải tai nạn rồi".Bà liền bỏ giỏ trái lại đó,hối-hả ra về.

Khi Công chúa về,thấy Đông cung ngồi một mình không c ó hai con,bà vô liều tranh kiếm không có,bà lại trở ra m é rạch - chỗ chúng nó hay chơi giỡn,cũng không thấy.Bà chỉ thấy mang,sư tử,khỉ,mấy thú thường chơi với nó mà thôi . Bà Mạn Trà trở lại chỗ Thái-Tử ngồi và hỏi hai con ở đâu Thái Tử không nói.

Bà lại hỏi nữa:"Khi hai con ở xa thấy tôi đem trái về, chúng nó chạy nhảy lăn dưới đất, rồi lòm còm chồi dậy nhảy nhót: Mẹ về:Khi chúng nó thấy tôi ngồi ở đâu thì đến ngồi kề một bên, thấy bụi bặm dính mình tôiliền phủi:Bây giờ tôi không thấycon tôi và chúng nó không lại gần tôi,nó ở đâu,ai bắt nó? Khôngt thấy con tôi lòng tôi đứt từng đoạn!chỉ cho tôi biết con tôi đi đâu và đừng làm cho tôiphải cuồng tâm".

Bà nói đi nói lại 3 lần,Hoàng-Tử vẫn điềm nhiên không thốt một lời.Bà lại càng đau đ ớ n hơn nữa,bà nói chua cay n h ư vầy:"Mất con tôi còn chịu được song sư lặng thinh của lang - quân làm cho tôi thêm rốiloạn"

Đông Cung nói:"Có người Bà La-Môn ở xứ Câu Lưu đến xin hai con và tôi đã cho rồi".

Công chúa thoạt nghe qúa cảm động,vụt té xuống đất,bà đau đớn khôn cùng.

Đông Cung nói:"Xin Công c h úa hay nguôi lòng.Phu nhân hãynhớ lại việc xưa,hồi thuở Phật Vô Hoà Kiết La ra đời.Lúc đó tôi là một người Bà La Môn,tên là Ba Sô Vệ,còn Công chúa phunhân là con gái Bà La Môn tên là Tu La Dà.Công Chúa cầm bảy liên-hoa,còn tôi thì nắm trong tay

100 bạc. Tôi mua năm bông sen của Công chúa để cúng -dường Phật, còn Vương phi thì đem thêm 2 bông khác cho tôi dâng cúng Phật. Phu nhân lại lập nguyện như vậy: "Tôi nguyện - cầu trong những kiếp vị lai sau, tôi cũ được làm vợ chàng dầu lịch sự, dầu xấu xa tôi không hề xa chàng".

Tôi có nói với Công chúa rằng "Nếu nàng muốn làm vợ tôi thì phải tuân theo chính lý của tôi, tôi sẽ đem hết tâm lực hành pháp bố thí, không hề thối chuyển cùng làm trái ý một ai trừ cha mẹ tôi, ai xin vật chi tôi đều hoan hỷ. Công chúa ưng chịu bằng lời. Nay tôi cho hai con, Vương phi lại làm rối loạn đến mối tư tâm của tôi".

Nghe Đồng Cung nói, bà lí ên tỉnh ngộ; bà nhớ lại trong kiếp qúa khứ kia, bà có hứa hẹn và nhận việc bố thí của Thái Tử.

Vì Thích thấy Thái Tử hành - pháp bố thí Ba La Mật Đa, cố ý thử lòng Thái Tử Ngài hóa - thân làm người Bà La Môn xấu xa và cũng dị tướng như người trước, đến trước mặt Thái Tử và thốt rằng: Đông cung ôi! Tôi hằng nghe Đông cung rất hoan hỷ làm các việc phước thiện và không hề từ chối việc chi.

Vậy tôi đến đây xin bà Vương nữ, vợ Đông cung".

Hoàng Tu đáp: "Công chúa là người của Ngài".

Công chúa nói: "Nếu Thái tử cho tôi rồi, lấy ai mà giúp đỡ Thái Tử".

Đông Cung nói: "Nếu tôi không cho Công chúa thì tôi không đạt được vô thượng Ba La Mật Đa".

Thái Tu múc nước rửa tay cho người Bà La Môn và dắt vợ cho người. Vì Thích đã nhận được lòng Thái Tử không còn tiếc việc chi. Các thiên thần lại ca tụng lòng từ bi của Đông cung, tức thì trời đất tối tăm thế giới đều rúng động.

Người Bà La Môn dắt Công chúa ra đi được 7 bước, trở lại trả công chúa cho Thái Tử.

Thái Tử nói: "Sao Ngài không giữ Công chúa cho Ngài? Công chúa nết na tánh hạnh xấu chẳng trong các Hoàng nữ, Công chúa là cực phẩm phu nhân, nàng là Công chúa của một nhà vua kim thời Cũng vì tôi mà nàng phải nhảy vào vạc dầu sôi, trong đóm lửa đỏ, phải chịu ăn uống khan khổ không hề than thở vì đau khổ phong trần; trong mỗi sự hành

ã ộng,nàng rất ân cần chú ý và gương mặt vẫn thư thái tươi cười.Ngài nên đem nàng đi,tôi mới được an vui".

Nguoi Bà La Môn nói với Đông cung:"Ta không phải là Bà La-Môn,ta là thiên Đế Thích. Ta đến thử lòng Ngài.Nhưng bổn - nguyện của Ngài là chi?" Nói xong Đế Thích hoàn nguyênhình diện mạo oai nghi,dung nhan tuyệt mỹ.

Công chúa đảnh lễ Ngài và câu xin 3 điều:"Trước nhất x i n Ngài làm sao cho người Bà La Môn đem hai con tôi về bảnlại bổn xứ;sau xin đừng cho chúng nó đói khát,sau nữa xin cho chúng tôi được về nước c h o chồng".

Đế Thích đáp:"Bà sẽ được như nguyện".

Đông Cung nói:"Kính Ngài, tôi nguyện sao cho cả thảy chúng-sanh đều được giải thoát v à hết khổ về sự sanh,lão,bệnhtử

Đế Thích đáp:"Lời nguyện của Ngài thật vĩ đại cao thượng không chi hơn.Nếu Ngài muốn s sanh cõi trời,làm vua thượng-thiên,làm đại Hoàng Đế c õ i trần,trường thọ như bá như tg thì tôi có thể làm được như ý;cho cái oai linh tôi yêutrg ba giới ra ngoài bản năngcủa tôi".

Đông Cung tiếp:"Tôi tạm xin cho được giàu có muôn xedặng bố thí nhiều hơn.Tôi mongsao cho Hoàng phụ cùng các quan đại thần hồi tâm sum hiệp cả tôi.

Đế Thích đáp:"Bản nguyện của Ngài sẽ được thành tựu".

Vút lời về Thích biến mất.

Đồng thời ấy,người Bà La Môn dẫn mấy đứa nhỏ về tới nhà . Vợ chàng ra đón và nhiếc rằng "Thật chàng quá lớn mật t ọ gan mới đem mấy đứa trẻ nầy về đây.Nó là giòng dõi v u a chúa,sao chàng lại tàn nhẫn đánh đập đến nỗi vết tíchmáu mũ đầy mình.Hãy tức khắc đem bán đi và kiếm đứa khác cho tôi".Chồng nghe lời vợ đem bán trẻ con.

Đế Thích thể theo lời, nguyện của Công chúa liền đổi ý cho người Bà La Môn đưa qua nước Điệp Ba.

Đến xứ ấy,các quan và dân nh nhìn biết con của vông cung, cháu nội của đức kim thượng, lớn nhỏ đều động lòng thương xót liền vào tâu vua.

Vua nghe nói lấy làm ngạcnhiên nhiên,cho đòi vào.Xa xa vua chột thấy hoàng tộn,thiên tử, hoàng hậu quần thần,công phi đều khóc nức nở.Vua hỏi người Bà La Môn làm sao có mấy đứa trẻ này? ông ta tâu "Tôi xin Đông Cung Thái Tử".

Vua kêu cháu đến và muốn ôm, nhưng nó khóc không chịu lại gần,vua hỏi giả cả.Người Bà - La Môn chưa kịp trả lời,Hoàng tôn nam tâu;"Trai đính giámột ngàn bạc với một trăm bò cái, gái thì hai ngàn bạc với hai trăm bò cái".

Vua nói rằng:Lẻ thường thì người ta yêu chuộng con trai hơn con gái,sao trai lại rẻ giá hơn gái"? Hoàng tôn nói : "Tâu Bệ Hạ,nhưng cung phi mỹ nử của Bệ Hạ không phải là quyến thuộc của Ngài,nguồithì hèn hạ,kẻ lại hoa đời: nhưnga ai được Hoàng thượng yêu thì được tặng phẩm tước.Trangđiểm mỹ lệ,ăn uống sung sướng!Ngài chỉ có một mụn con trai mà Ngài đày chốn non cao rừng rậm,còn Ngài thì sớm tối sung sướng với cung phi,chẳng chút đoái hoài đến nghĩa cha con . Đó rõ ràng con trai ít có giá trị hơn gái".

Thoạt nghe,vua liền tỉnh ngộ, khóc than rằng:"ta có tộicùng cháu,lẻ nào cháu chẳng chịu lỗi ai cùng ta?Ghét ta hay sợ người Bà La Môn?"Hoàng tôn vội tâu:"Chúng con đâu dám tộiphép-ghét Hoàng thượng và chúngcon cũng chẳng sợ người Bà La Môn này.Xưa chúng con là con vua cháu chúa,nay lại tội tớ kẻ p phàm phu làm sao đứa nô bộc lại dám lờn dưới tay Hoàng - thượng?Bởi vậy nên chúng con không thể tự tiện làm việc ấy

Hoàng tôn dứt lời,vua thêmsầu muộn.Liền đó Thánh Hoàng trả theo giá đính của người Bà La Môn,rồi kêu cháu,hai trẻ chạy vào lòng Ngài.Vua ôm cháu vuốt ve và hỏi:"cha con ăn mặcnhững gì trên núi"?hai cháu nói : "cha con ăn toàn trái cây, mặc cỏc,mặc áo vải quần nâu, cả trăm thứ chim làm cho cha con được giải khuây và không chúa chi phiền".

Vua cho người Bà La Môn về.

Hoàng Tôn tâu:"Người Bà LaMôn đói khát,xin Thánh Hoàng cho người một bửa cơm".

Vua nói:"Vậy chớ cháu không giậnnó sao,lại còn lo cho n ăn uống nữa"?

Hoàng Tôn tâu:cha hại con ha tu phước huệ,đến nỗi khôngcò vật chi để bố thí nên đem ha

c on cho người, người là chủ của con, chúng con rất tiếc chưa làm nô lệ cho người, hòng khỏi phụ lòng bác ái của cha con. Chúng con sao đành để người đói khát. Cha chúng con còn cho chúng con được thay, huống chi bỏ thí một bữa cơm cỏ lẽ nào Hoàng Thượng từ chối"?

Vua lại cho sứ giả đi triệu Đông Cung về, được lệnh, sứ thần đi tìm Hoàng Tử; tới núi Đàn-Đặc liền đọc thánh chỉ và xin Đông cung lập tức về cung.

Đông cung đáp: "Hoàng Thượng đã đày ta tới núi này 12 năm và còn một năm nữa mới mãn hạn, chừng nào hết hạn ta sẽ về chẳng muộn".

Sứ giả về tâu lại cho vua nghe rồi Thánh Hoàng tự tay hạ bút để thơ cho Thái tử vậy:" Con thật đáng vị hiền nhân, nên lấy dạ khoan hồng chuyện đã qua, con giận dữ có lợi ích gì, mà không trở về tổ quốc? cha đợi con về đặng đoàn viên cộng - hưởng sự an vui".

Khâm sứ mang bức thư cho Đông cung. Tiếp chiếu, Hoàng Tử liền quỳ lạy trước mặt chiếu, đoạn lui lại, đi vòng mặt chiếu bảy vòng rồi mới khai thơ ra đọc.

Hay tin Hoàng tử sắp hồi trào, các loài cầm thú nhảy nhót, cảm động, kêu gào tha thiết, suối khe bông cạn, thú cái dứt sữa, chim chóc hát tiếng như thảm như sầu

Hỡi hữu thay cho loài cầm thú cũng biết thương đau khi vĩnh biệt!

Đông cung và Công chúa đều ý phục lên đường.

Nghe tin Đông Cung về nước, vua nước Địch dạy thâu tử bắt bành vàng cho bạch tượng, lại đem theo một ô vàng đựng bạc, một ô bạc đựng vàng đón đường. Thái Tử xin trả lại và tỏ dấu ăn năn hối ngộ cùng Hoàng tử như vầy: "Trước kia bởi mê muội tôi có xin Ngài voi báu, vì tôi nên Ngài phải bị đày ở chốn lâm sơn rừng rậm. Nay nghe tin Ngài về nước, tôi rất vui mừng cho khâm sứ đưa bạch tượng trả lại cho Ngài cùng dâng chút bạc vàng, rất trông mong được Ngài hạ cố và thứ lỗi cho tôi".

Đông cung nói: "Giả như một người kia sắp sửa các thức ăn đủ mùi vị và đưng cho ai dùng, người ấy ăn vô rồi nhả ra, thức ăn đó có tinh khiết chăng? họ lượm lại ăn được chăng? Các việc bố thí của tôi chẳng khác chi đồ ăn kia, thế thì tôi không thể

bắt lại voi. Các quan hãy lên tường mà về nói lại tôi có lời cảm tạ nhà vua".

Thám tử lên voi về tâu lại nhà vua. Cũng nhờ câu chuyện con voi mà vua nước địch được tỉnh ngộ. Trở nên người hiền, thành bậc trượng phu, vua quan và dân lại tín ngưỡng đạo Bồ Đề và bắt đầu hành pháp vô-thượng Ba La Mật Đa.

Hoàng thượng, cha Đông Cung, ngồi voi đón con. Hoàng Tử chợt thấy, vội trồi bước, đành lê sát đất rồi theo vua cha. Cả thảy văn quan, võ tướng và dân lại rất hoan hỷ đồng rải bông đốt hương trầm, treo cờ lọng, rưới nước thơm dưới đất làm lễ tiếp rước Đông cung một cách long trọng linh đình. Đông Cung đã về tới thành liền vào lạy và vấn an Hoàng Hậu.

Hoàng Thượng giao cho Đông-Cung hết thảy kho tàng trong nước. Thái Tử đem ra bố thí cho thập phương và còn nhân đức hơn xưa. Sự bố thí của Ngài viên mãn sau này Ngài sẽ chứng quả Niết Bàn.

Đức chánh đẳng nói với ông A Nan "đó là cách ta hành pháp bố thí trong một tiền kiếp của ta".

Đông Cung Tu Đại Noa (Sudhanâ) là ta đó vậy;

Cha Đông cung lúc đó tức là cha của ta bây giờ, tức là Hoàng đế Tịnh Phạn (Suddhodara); Mẹ Đông cung khi ấy hiện nay là bà Ma-ya (Mâyâ)

Công chúa khi trước hiện nay là bà Da Du Đà La.

ông A Châu Đà bây giờ là Mục Kiền Liên.
Đế Thích là Xá Lợi Phất.
Thợ săn lúc ấy hiện nay là A Nan Đa.
Con trai Da Ly hiện giờ là con trai của ta La Hầu La.
Con gái Kê na Diên bây giờ là mẹ của La Hán Mật Li.
Người Bà La Môn xin hai trẻ thơ bây giờ là Điều Đạt:
Vợ của Bà La Môn là Chiên Đà Ma Na.
Đó là sự phiền não và đau đớn ta chịu trong vô lượng kiếp và cũng trong vô số kiếp ta làm lành như thế".
Phật nói cùng ông A Nan:" A-Nan, ông hay luôn luôn gìn giữ kinh này đặng diễn giải cho tăng chúng nghe".

Đó là cách của Bồ Tát hành bố thí Ba La Mật Đa.

(Phỏng theo "Kinh Đông Cung Tu Đại Noa" trong quyển "6 phép Ba La Mật):

LỜI GIỚI THIỆU

QUỐC-SỬ TẠP-LỤC

Với mục-đích bảo-tồn văn-hoá dân-tộc và thiết-thực hơn, với mục-đích cung-hiến một số tài-liệu tham-khảo cho giới học-giả khảo-cứu về lịch-sử Việt-Nam và nhất là các nhà mô-phạm người mình soạn sách Việt-sử cho các con em ở hải-ngoại, chúng tôi sẽ lần lượt đăng tải dưới mục này những tài liệu về Quốc-sử đã sưu-tầm được tại các thư-viện cùng các tủ-sách tư-gia ở Âu-Mỹ.

Tài-liệu đầu tiên chúng tôi hân-hạnh giới-thiệu với quý-vị độc giả là cuốn VIỆT-NAM PHONG-SỬ của cố học-giả NGUYỄN VĂN MẠI theo bản dịch của học-giả TẠ QUANG PHẤT,

MẶC KHÁCH

VIỆT-NAM PHẬT-GIÁO KHẢO-LUẬN TẬP

Từ lâu Phật-giáo Việt-Nam đã từng làm đề-tài khảo-luận cho nhiều học-giả nước nhà. Ngoại-trừ một số ít bài được in thành sách phần lớn đã được đăng trên báo-chí ở Việt-Nam đến nay rất khó kiếm lại được.

Gần đây chúng tôi có may-mắn sưu-tầm được một số tạp-chí xưa trong đó có đăng khá nhiều bài khảo-luận về Phật-Giáo Việt-Nam. Bởi vậy, chúng tôi đã có ý-nghĩ sưu-lục những bài vừa được biên soạn công-phu nhất lại có liên-quan tới văn hoá Việt-Nam, để lần lượt công-hiến quý-vị độc-giả.

NGUYỄN DOÃN CAN LỘC

Ban Biên-tập Đặc-San Viên-Giác xin thành-thật cảm-tạ học-giả MẶC KHÁCH, học-giả NGUYỄN DOÃN CAN LỘC và học-giả TẠ QUANG PHẤT đã nhận lời mời cộng tác cho Đặc San Viên-Giác những mục trên trong năm tới. Chúng tôi cũng thành thật xin lỗi vì không có địa chỉ của một số quý-vị học-giả để xin phép cho tái đăng các bài của những vị đó trong những số báo Viên Giác tới: Kính mong quý vị niệm tình thứ lỗi cho. Xin thành thật cảm ơn Quý-vị.

GHI LẠI MỘT CUỘC HÀNH TRÌNH

_ Thích Như Điển _

Sau khi đi hết năm châu, vượt qua bốn bể, hôm nay ngồi lại đây để viết vài giòng về những chuyến đi xuyên qua các địa lục bằng nhiều phương tiện khác nhau, nhằm giới thiệu, phân tích cũng như tìm hiểu về văn hóa, tôn giáo, phong - tục, tập quán của từng dân tộc mà chính người viết bài này đã có cơ hội đi, đến, tiếp xúc, học hỏi, hoặc nghiên cứu những vấn đề trên...

Ngày xưa, khi con người chưa văn minh, tiến bộ mỗi khi di chuyển từ chỗ này đến chỗ khác quả là một vấn đề rất khó khăn và phức tạp. Con người từ cổ chí kim có lẽ những việc ăn, uống, ngủ, nghỉ cũng không khác gì mấy. Nếu xưa có khác nay, chỉ khác về sự tiến bộ về trí óc mà thôi. Nếu hiểu như vậy chúng ta có thể nói rằng: dầu ngày nay những phương tiện chuyên chở nhanh chóng như máy bay phản lực, máy bay thường, tàu điện, tàu lửa, tàu thủy, tàu ngầm, xe hơi, xe gắn máy, xe đạp... hay trung bình những chậm chạp như xe ngựa xe bò, xe lừa, xe kéo v.v. và chậm nhất có thể nói là đi bộ. Nên chúng ta có thể nói rằng : đi bộ là khởi điểm của tất cả những tiến bộ sau này.

Nếu bảo Á Châu là nguồn gốc của văn minh, là khởi nguyên của vũ trụ, là nơi phát xuất ra những bậc Thánh nhân như Khổng Tử, Lão Tử hay Giác Ngộ thành Phật như Đức Thích Ca Mâu Ni hoặc cao thượng như Đức Chúa thì hãy so sánh với Âu Châu, với nền văn minh cổ đại của Hi Lạp, của La Mã, với những nhà hiền triết như Nietzsche, Freud(Đức) Platon, De-

carte(Pháp).

Nếu bảo Mỹ Châu là xứ mới được phát minh còn son trẻ-có nền văn minh tuyệt diệu hoàn cầu,nhưng không có một nền văn hóa cổ truyền lâu đời như Kim Tự Tháp của Ai Cập , hay Đế Thiên,Đế Thích của Cao Miên thì hãy sánh với Úc-Châu - là nơi gần giống da vàng mũi thấp,thông minh và trầm tĩnh - nơi đó lại dưỡng sinh những người da trắng mũi cao cũng đã di dân từ những vùng đất lạnh từ Âu - Châu đến.

Còn Phi Châu có lẽ vì khí trời nóng bức,vật chất khô - khan,sự ảnh hưởng văn minh từ các châu khác đến dường như bị những trận cuồng phong của sa mạc cuốn mất đi theo chiều gió,nên Phi Châu có vẻ khô cằn và trông ra thê thảm.

Nếu bảo người da đen ở Mỹ hay ở Phi Châu là hiện - thân của sự biến nhác thì hãy xem gương người Nhật ở Á Châu, người Đức ở Âu Châu để học hỏi những sự nhẫn nại,cố gắng siêng năng,chăm chỉ để giúp cho mình có một bài học cao quý trong đời.

Ai bảo người Pháp sống với văn chương,người Anh sống với ngoại giao,người Đức với thương mại,giáo dục thì người Việt Nam có lẽ cũng còn có giá để so sánh một phần nào khi đứng ra làm trạng sư hay luận thuyết hơn thua.

Người Âu Châu giàu có nhờ kỹ nghệ,người Mỹ Châu sang-trọng nhờ vào tài nguyên thiên nhiên,người Nhật sau bại chiến 1945 nghèo nàn,lạc hậu,ngày nay đã phú cường và vững mạnh về kinh tế,chính trị,văn hóa...gần như nhì ba trên thế giới.Ấy chỉ nhờ tinh thần đoàn kết biết hysinh cho Quốc gia đại sự.Còn người Việt Nam chúng ta trí não chả thua ai,đánh giặc nào cũng thắng,nhưng đánh giặc lòng không thắng,nên đất nước mới loạn ly,nhân tình mới phân tán trải qua hằng mấy mươi thế kỷ.Không có một cường

quốc nào có thể địch nổi với quân Mông Cổ vào thế kỷ 13 kể từ Âu sang Á, nhưng Việt Nam ta đã chiến thắng ve vang. Cũng chả ai dám bì nổi với thực dân Pháp, đi ngó sau của Mỹ, nhưng rồi người Việt Nam ta vẫn anh dũng ca khúc khải-hoàn là được thoát ra khỏi vòng đô hộ, nhưng rồi ngày hôm nay, khi dân tộc ta bị người Nga thống trị - không - chế bởi những người Cộng Sản ngu dốt Việt Nam - rồi mai đây-nhân dân ta sẽ đánh bại một con sói cả Á lẫn Âu, nhưng ta thử hỏi tại sao ta không được hoà bình, ta không được phú cường như bao dân tộc khác ? Lẽ ra khi ta chiến t h ắ n g ngoại xâm, ta có thể xây dựng quê hương ta giàu sang và vững mạnh mới xứng đáng được với sự hy sinh xương máu công nghiệp của tiền nhân ta đã dày công dựng nước và giữ nước trong suốt giòng lịch sử vừa qua ? tại sao ta vẫn thấy còn lẽ loi khi ở xứ người và vẫn chưa tự hào được một cái gì với thế giới cả ? có phải vì chúng ta không tin nhau hay sao ? hay vì chúng ta không thương yêu nhau mà chúng ta cứ cấu xé lẫn nhau ? nếu chúng ta không đoàn kết được để tạo nên sức mạnh thì ta hãy nghĩ rằng:

"Một cây làm chẳng nên non
Ba cây dụm lại nên hòn núi cao"

Nếu ta cứ tranh nhau để sống và cấu xé, giết hại lẫn nhau thì chúng ta hãy nghĩ rằng:

"Khôn ngoan đá đáp người ngoài
Gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau".

Ta thắng được giặc ngoài nhưng ta không thắng được giặc lòng của chúng ta. Đó là một điều dở của người Việt, nhưng chúng ta đã có Phật Giáo lâu đời trong lòng dân tộc, tại sao chúng ta không nghĩ và thực hành lời dạy của Đức - Phật:

"Chiến thắng muôn quân không bằng tự thắng mình. Tự thắng mình là chiến công oanh liệt nhất".

Người Việt Nam ta nếu đem so với người trên năm châu bốn bể, quyết rằng ta chẳng thua kém người nào, nhưng nếu ba người Nhật, ba người Đức, và ba người Việt Nam ngồi lại

với nhau để thảo luận một vấn đề gì chắc chắn rằng ba người Việt Nam sẽ thua trước. Vì phong dao Việt Nam chúng ta có câu là:

" chín người, mười ý"

nên có lẽ vì thế mà chúng ta chẳng đồng với ý của những người khác chăng ?

Ba người Nhật, ba người Đức họ sẽ chỉ một ý kiến hay một trăm người Nhật cũng chỉ một ý kiến, còn xét lại người Việt Nam ta có lẽ có hàng chục ý kiến, nhưng ý kiến nào cũng chẳng giống ý kiến nào, đôi khi những ý kiến đ ư ợc nêu ra lại mâu thuẫn lẫn nhau không cùng một mục đích, để rồi mang đến một sự cải vả, đổ vỡ.

Văn chương bình dân Việt Nam chúng ta có câu rằng:

"Quảng Nam hay cải
Quảng Ngãi hay lo
Bình Định hay co
Thừa Thiên ních hết"

Có lẽ cái bệnh cải ngày nay không còn dành riêng cho người Quảng Nam mà nó đã như một cái dịch bị lan - truyền khắp trong châu thân của mọi người Việt Nam, chứ nó không còn bị giới hạn nữa.

Ôi ! đau đớn biết dường nào ! khi đất nước ta bị người Cộng Sản xâm chiếm và nắm quyền, đàn áp dân chúng , thì ta lại đổ thừa vì người Mỹ, người Tàu, người Nga, người - Nhật, người Pháp, hay đổ tội cho Tôn Giáo nầy, Tổ Chức kia tranh đấu chống đối để làm lợi cho Cộng Sản, mà chưa có một ai biết tự trách là chính nhân nhân Việt Nam vì chúng ta không hoàn toàn có trách nhiệm đối với Tổ Quốc ta . Chính mỗi cá nhân người Việt Nam chúng ta cũng đều có bổn phận và trách nhiệm trong sự hưng cũng như vong vậy.

Ai thương chúng ta bằng chính chúng ta tự thương chúng ta, ai có hại chúng ta cũng không bằng chúng ta tự hại chúng ta. Người ngoài nhắm thế yếu ấy mà thọc gậy bánh xe, mà phân chia nội bộ, chỉ nếu ta vững, ta chí một lòng thì làm sao con trùng bên ngoài có thể xâm nhập vào nội thể của chúng ta ?

Than ôi ! khi quốc biến mới thấy nhà tan thì chuyện đã trễ lắm rồi, mà chúng ta há chẳng nghĩ đến câu: "Phòng bệnh hơn chữa bệnh" sao ?. Thế thì chúng ta nói hay mà làm dở, ngược lại người Nhật nói dở mà làm hay, nên đã đổi đ ư ợ c thế cờ. Lúc thua trận năm 1945, Nhật gần như là chư hầu của Mỹ, nhưng ngày nay, sau 30 năm chỉnh trang lại đất nước, người Mỹ cũng không dám khinh thường người Nhật mà c ò n mời mọc Nhật ở nhiều phương diện như một người khách qúi. Bởi thế cho nên người Nhật mới bảo rằng: "sau 30 năm, ngày-nay như một giấc mộng".

Nói như trên để tự trách mình như Thánh nhân vẫn thường hay dạy: "tiên trách kỷ rồi hậu mới trách bỉ" cho thuận lẽ đối và mới đúng với chơn tinh thần của Phật Giáo, chứ không phải xem thường hay ngược đãi người nào. Chúng ta muốn khỏi bệnh chúng ta phải uống thuốc, bằng không thì sẽ bị c o n bệnh kiêu căng, tật đố hoành hành, chẳng ai chữa trị được cho ta ngoại trừ ta.

Người Việt Nam ta tiếng là thông minh, hiền lành, chất phác nhưng không hiểu tại sao những cái khôn vẹt, ma lanh ta đã bị ảnh hưởng bởi ai mà ngày nay nó phá hoại cơ thể chúng ta lắm thế ?

Sách vở Thánh hiền, kinh điển Chúa, Phật, luân lý, đạo đức..., chúng ta có đủ hết không thiếu môn nào, nhưng có lẽ ít có người lưu tâm nên sách vở kia mới bị mối đục khoét l â u ngày đã nát gáy, sờn chương, do đó con người Việt Nam chúng ta vẫn còn một cơn bịnh trầm kha !!!

Khi tôi đã đặt chân lên xứ Nhật - sau một thời gian học hỏi nơi xứ người, tôi đã thất vọng, nên tự bảo với mình rằng: "phải chi hồi xưa mình đi du học ở Việt Nam vẫn còn hơn". Cho nên ngày xưa khi Ngài Dōgen (Đạo Nguyên) thiền sư (1200-1268?) Tổ khai sơn Tào Động tông của Phật Giáo Nhật Bản khi sang Trung Quốc du học, lúc về lại nước có người hỏi Ngài. Ngài qua Trung Quốc để học được gì? thì Ngài bảo rằng: "ta đã học mắt nằm ngang, mũi thẳng". Nếu báo chí học được thế thì ở Nhật cũng biết được điều đó chứ cần gì phải lặn lội sang Trung Quốc học hỏi mấy chục năm trường? Tế ra công trình của Ngài sang Trung Quốc chỉ học được có chừng ấy thôi ư ?

Điều này cho ta thấy rằng học ở đâu cũng không bằng học ở chính mình, tìm cầu ở đâu cũng chẳng bằng tìm cầu ở nơi mình, nên học Đạo là vậy đó. Đi để chỉ tìm hiểu thêm, thật ra muốn tu cho chứng đạo hoặc muốn phát hiện ra một chân lý thì hãy tìm với chính mình. Dù ở Nhật, ở Nga, ở Mỹ, ở Úc ở Pháp mà ta không phải là ta thì không còn tìm đâu được ra cái nhân tính của ta cả.

Cổ nhân ta thường bảo: "Đi ngày đàng, học sàng khôn". Điều đó chả sai, nhưng cái học đó chỉ tô điểm bề ngoài thân thể, còn bên trong ta phải tự tu và tự giải thoát lấy. Có giữ giới mới sinh định, có định mới sinh huệ - huệ không thể tìm cầu từ bên ngoài mà có được. Những người chưa hiểu chuyện tìm cầu thì bảo rằng ý kiến trên là cực đoan bảo thủ, nhưng thật ra những điều đó không có mới mẻ gì, bởi vì chư Phật, chư Tổ Sư và chư hiền thánh Tăng đã thực - hành những hạnh nguyện đó từ khi vũ trụ này lúc mới hình thành.

Ngày nay cái họa diệt vong, cái mầm diệt chủng đã gần kề, nhưng chúng ta - người Việt Nam vẫn chưa ý thức, không biết ai ý thức dùm cho chúng ta đây - hãy tự xét mình thử xem !

Biết bao nhiêu lần tôi đã có dịp bay ngang qua lại trên

bầu trời Việt Nam, thấy và nhớ phố phường, thị thành muôn thuở, nhưng không có quyền và không được quyền ghé thăm quê hương đất nước khi mình, là người không cùng chính - kiến với người Cộng Sản. Chắc không có dân tộc nào đau - khổ bằng dân tộc ta, cũng chả có đất mẹ nào bị dày - xéo như đất mẹ của chúng ta. Ôi! giang sơn, gấm vóc, ôi lòng - người! ôi! bẽ hận!

Tại sao nghèo như Tích Lan, hay khô cằn cỏ cháy nơi sa - mạc như những xứ Phi Châu mà họ vẫn có hoà bình, độc lập có hỏi thở tự do ?. Quê hương ta được xưng tụng là giàu có, người Việt Nam ta được ca tụng là thông minh , nhưng sao chúng ta không sống được trong hoà bình? không sống được nơi quê hương mình để tôn thờ và phụng sự?

Nhiều lúc thấy buồn, thấy tủi...mặc dầu tôi đã biết rằng tất cả đều là vô thường, là biến đổi, nhưng lòng mình vẫn còn vấn vương, khi lâm dân không có nước, lâm bạn không có bè...

Nước vẫn chảy xuôi, nhưng thuyền ai cộn chống ngược, nên việc lên bổ có được hay chăng phải cố chống chèo m ớ i khỏi, nếu không thì sẽ bị giòng nước cuốn trôi làm cho ta hoang phí cả một đời.

Quê hương ta là thế đó, dân tộc ta là vậy đó, và đạo pháp ta là thế nầy đây - ta phải làm và ta phải xây dựng. Chg ta phải thực sự tôn trọng lẫn nhau, vâng lời nhau và tin tưởng nhau để tạo thành đoàn kết. Có đoàn kết mới có sức mạnh-mới có thể giữ nước, bằng không chiến thắng để rồi chỉ chiến bại-cũng chỉ để làm hại một đời người, một thế hệ mà thôi...

Lần đầu tiên tôi đặt chân trên đất Phi Châu, cảm -tưởng của tôi lúc ấy là thấy mình đã thực hiện được một cách

đầy đủ - là năm châu, bốn bể đã biết qua và giờ đây sông núi, tình người hầu như đã có cơ duyên để tìm hiểu.

Ở đây (Tunésie) con người gần giống người Âu Châu, nước da ngăm ngăm, dáng cao, cằm dài, miệng rộng. Tánh tình hiền - hoà, không đen đúi như những giống dân khác thuộc miền Trung hay Nam Phi Châu. Nếu ai đó rành địa lý thì bảo rằng vì họ sống gần xích đạo cũng như sống trong sa mạc nên nước da bị cháy nắng, nhưng nếu người nào không hiểu về địa lý thì bảo rằng: "da đen là giống man di mọi rợ thiếu văn minh". Nói như thế thì chẳng khác nào quờ đũa cả nắm - cũng có giống da đen văn minh mà cũng có giống da trắng còn thiếu học, không phải da đen là dốt nát, da trắng là lỗi lạc tài ba đâu.

Người đàn bà ở miền Bắc Tunésie thường hay quàng bên ngoài thân hình một chiếc áo trắng phủ cả đầu, còn người miền Nam thì quàng áo đen, chỉ chừa 2 con mắt. Có lẽ đây là ảnh hưởng của Đạo Hồi. Lẽ ra Đạo Hồi chỉ bành trướng ở Trung Đông, nhưng nước Tunésie bị Thổ Nhĩ Kỳ cai - trị gần 300 trăm năm trước thời kỳ thực dân địa của Pháp - gần 100 năm - nên Đạo Hồi được mang vào truyền tại đây và dân chúng hầu hết là tín đồ của Đạo Hồi. Sau Thổ Nhĩ Kỳ là Pháp - Pháp chiếm Tunésie có lẽ đồng lúc với Algérie và sau khi bại trận tại Điện Biên Phủ ở Việt Nam - Degaul bỏ Algérie và năm 1956 trao trả độc lập cho Tunésie. Suốt 100 năm cai trị Tunésie người Pháp cũng đã làm nhiều nhà thờ, giáo đường ở nhiều thành phố lớn như thủ đô Tunis, Tozeur, Aftsa v.v. nhưng bây giờ hầu hết những nhà thờ này đều bị lấy tất cả những thánh giá xuống và trước mỗi cửa nhà thờ đều đề chữ "Bảo tàng viện" (đến đây tôi mở một dấu ngoặc về vấn đề này). Không phải vì tôi là Tu Sĩ của Phật Giáo nên đi bênh vực Đạo của mình hay có ý khen ngợi tinh thần giữ Đạo của tha nhân, nhưng thật ra cái gì đúng mình có thể khen và sai mình phải phê - bình xây dựng mới đúng với tinh thần bao dung, vị - tha của Phật Giáo.

Nhìn lại sử sách Việt Nam, nhất là trong triều đại Lý-Trần (1010-1400) nước Việt Nam chúng ta chỉ có thuần một Đạo Phật, những Đạo Phật không muốn bảo thủ cho chính mình hay mong muốn chiếm địa vị độc tôn trong xã hội thời bấy giờ mà Vua quan nhà Lý cũng như nhà Trần đều cho Đạo Khổng và Đạo Lão phát triển. Nên văn học Việt Nam trong 2 triều đại nầy được gọi là tam giáo đồng nguyên (Nho, Lão, Phật đều về một mối). Điều đó chứng tỏ tinh thần vị tha, cao thượng của Phật Giáo không uy hiếp kẻ yếu mà hay nâng đỡ người tài, dầu khác niềm tin hay tôn giáo, nhưng vào cuối triều Trần khi Nho thịnh Phật suy thì các sử gia, các nho gia cứ đua nhau đi công kích và bài bác Phật Giáo. Nho giáo thì hay dựa vào lúc thịnh của mình để đàn áp đối phương, nhưng Ph-Phật Giáo thì không - suy cũng vậy mà thịnh cũng vậy. Ở đây chúng ta thử đọc xem tinh thần của Vạn Hạnh thiền sư dưới triều Lý thì ta thử hiểu điều đó.

"Thân như bóng xế chiều tà,
Cỏ Xuân tươi tốt thu qua rụng rời,
Sá chi suy thạnh cuộc đời,
Thạnh suy như hạt sương rơi đầu cành".

Rồi đến khi người Âu Châu, hay nói đúng hơn là người Pháp lúc đặt nền móng thật sự cai trị Việt Nam, họ đã bỏ tiền ra để xây nhà thờ, giáo đường, khuyến dụ người Việt Nam tin theo Đạo Chúa. Người Việt Nam cũng tin theo. Vì người Việt-Nam luôn nghĩ rằng: "Đạo nào cũng tốt cả", nên không có ý dèm pha hay chê nhạo Đạo khác. Tinh thần "Đạo nào cũng tốt" có lẽ chỉ phát xuất từ Đạo Phật chứ những Đạo khác họ dường như không chấp nhận những đạo khác nữa là cat ung hay dung thứ. Nhờ tinh thần nầy nên người Pháp có ra đi, họ để lại trên quê hương Việt Nam chúng ta một Đạo lạ, nhưng người Việt Nam chúng ta vẫn để yên và không xâm phạm đến sự truyền đạo của Thiên Chúa. Ấy cho hay cái lòng TỪ BI, VỊ Tha của Đạo Phật nó bao la hơn vũ trụ, rộng rãi hơn n ă m châu và võ cùng trong nhiều thế giới.

Nếu ai cũng hiểu được như vậy thì mới biết Đạo Phật, c ò n ngược lại thì làm oan cho chư Phật và chư Tổ Sư đã truyền thừa cho chúng ta qua nhiều thế hệ.

Tôi đứng nhìn những Giáo Đường, nhà thờ bị lấy những Thánh giá xuống để tấm bảng "Bảo tàng viện" lên, tôi liên tưởng đến người Cộng Sản Việt Nam ngày nay. Khi chủ nghĩa Cộng - Sản được bành trướng tại Việt Nam, họ tìm cách bôi nhọ, đàn áp, bắt bớ, giam cầm, đập phá chùa chiền, nhà thờ, thánh thất.... để chỉ tôn thờ lãnh tụ và một chủ nghĩa "vô sinh". Nhưng đứng trên tinh thần từ bi và lợi tha của Phật Giáo tôi thấy mình đang đi đứng đàng - vì mình không bị cực đoan, như bất cứ Đạo nào hay một giáo điều nào khác. Tôi thấy mình càng vững niềm tin hơn và Phật Giáo có lẽ là một Tôn Giáo có sự bình đẳng ít có Tôn Giáo nào có thể sánh kịp. Vì Phật Giáo vẫn luôn luôn quan niệm rằng:

"Có thời có tự mảy may,
Không thời cả thế gian nầy cũng không,
Cho hay bóng nguyệt giống sông,
Nào ai hay biết có không là gì ?".

Đứng từ quan niệm nầy chúng ta an tâm để làm việc Đạo, chúng ta không hận đời, giận đạo khi Tôn Giáo mình nhiều, hay ít tín đồ. Có thể nói trong lịch sử Tôn Giáo của nhân loại, chỉ có Phật Giáo là không đi chinh phục tín đồ bằng bạo lực hay vật chất trên bước đường truyền giáo, không cám dỗ, không thoa son trét phấn bề ngoài, ai hiểu thì theo không hiểu Đạo Phật cũng không sao. Bước đường truyền Đạo của Phật Giáo qua 25 thế kỷ từ Á sang Âu, từ Âu sang Mỹ, hay Phi châu hoặc Úc Châu chưa có một Quốc Gia nào hay một triều đại nào nhân danh Phật Giáo để đi truyền -giáo bằng con đường chiến tranh và bạo lực.

Bồ Đề Đạt Ma đến Trung Hoa vào thế kỷ thứ 6 cũng chỉ đi bằng hai tay không mà cũng đã truyền Thiền cho đến thời Lục Tổ Huệ Năng. Ngài Tỳ Ni Đa Lưu Chi đến truyền Thiền cho Việt Nam qua bốn đời ngoài Lâm Tế và Tào Động cũng đã chả mang một loại khí giới nào để đi chinh phục lòng người ngoài lưỡi gươm trí tuệ để đoạn diệt vô minh. Từ những thời, cực thịnh như nhà Lương ở Trung Quốc, thời Hoàn Đế A Dục ở Ấn Độ, thời Thánh Đức Thái Tử ở Nhật hay Lý - Trần ở Việt Nam... khi Phật Giáo thịnh thì cả dân tộc ấy đều thịnh cả, nhưng không có một triều đại nào nhân vì

cái thịnh đó mà lợi dụng để đi chinh phạt nước khác để truyền Đạo Phật của mình cả.

Suốt cuộc đời 80 năm của Đức Phật, Ngài cũng chỉ có một lưỡi gươm duy nhất thật sắc bén để đoạn diệt mọi sự vô minh phiền não từ bên trong ra hoặc từ bên ngoài đến, để tự chiến thắng mình hay cảm hóa người ngoài đi chăng nữa cũng đã chả có một giọt máu nào rơi, mà Ngài đã giết sạch được tất cả các giặc tham, sân, si, mạng nghi, ác kiến... chỉ bằng một lưỡi gươm trí tuệ. Chỉ có trí tuệ mới đoạn sạch được vô minh và phiền não, nếu không - chỉ có tính cách giai - đoạn và sẽ không trường tồn vĩnh cửu.

Nhìn người đàn bà Tunesie thấy họ đảm đương gần như người đàn bà Nhật. Ngoài đường phố hay trên đồng ruộng thường hay thấy đàn bà hay làm việc, bán buôn. Trong khi đó đàn ông hay ngồi chuyện trò trong quán Café hoặc nhà hàng hay nơi dưới. Suốt ngày cứ thấy họ la cà đây đó và tuyệt nhiên không thấy bóng dáng của người đàn bà nào cả.

Ai cũng rất đỗi ngạc nhiên khi nhìn những nhà cửa nơi đây. Thoạt trông như bị sụp đổ, nhưng không phải vậy, vì họ xây xong phần nào thì ở phần nấy, không chờ đến lúc hoàn thành. Nhìn suốt dọc đường, quanh thành phố thấy nơi nào cũng như nơi nấy cả.

Ngoài đường xe hơi, xe gắn máy, xe đạp, xe ngựa, xe lừa, lạc đà cũng... đi ngổn ngang, chứng tỏ một xã hội thật vô cùng nhất trật tự. Những con lừa thật nhỏ nhưng trên lưng phải chở không biết bao nhiêu thứ đồ từ nơi nầy đến nơi khác, lại thêm một người ngồi trên thân hình bé nhỏ của con lừa nữa trông rất thảm thương tội nghiệp. Ở đây người ta hành - hạ súc vật quá, đâm ra thường hại. Có lẽ nghiệp duyên của những con nầy còn nặng nên phải bị đầu thai nơi đây, nếu chúng được sanh sang Âu Châu hay Mỹ Châu thì sẽ sung sướng biết dường nào. Chắc chúng phải tu thêm nhiều kiếp nữa mới được.

Lúa thường hay chở hai bên hông hai giỏ nước để cho người uống hoặc giặt rửa. Nước ở đây quý như hoặc hơn vàng, vì ở đây mỗi năm chỉ mưa chừng 12 phân nước, nhà nào cũng có bồn chứa nước trên lầu hoặc đào giếng để lấy nước tưới cây. Trồng sâu thăm thẳm đến tận cùng của đáy giếng, nhưng chỉ thấy một vài giọt nước đọng lại, nên cây cối cũng phải chịu chết dần chết mòn. Khắp cả núi đồi vùng Tunis mãi cho đến vùng sa mạc như Tozeur, Nefta không có một cây cổ thụ nào cả, toàn là những cây mọc không khỏi mặt đất, cũng chỉ vì thiếu nước, ngoại trừ những cây chà là thật ngộ nghĩnh - trông hồi lớn hơn cây xương rồng và nhỏ hơn cây dừa ở xứ mình và quả ra như những buồng cau ăn trầu - trái ăn ngọt lịm cả môi người. Vùng Bắc trồng chà là ít được, chỉ có vùng sa mạc thì chà là ưa sống hơn.

Ở đây thật có nhiều chuyện lạ: - chanh thật ngọt. Điều này nói chẳng ai tin, nhưng khi ăn xong mới biết. Hình dáng như quả chanh thường, mới bắt đầu bóc vỏ chúng ta có thói thường là chảy nước miếng, nhưng khi bỏ vào ở trong miệng thấy ngọt lịm như đường.

Cây xương rồng hay nói đúng hơn là cây lưỡi long theo người Việt Nam mình thường gọi có quả và quả này ở đây họ bán đầy đường và trong phố chợ.

Có một điều hơi lạ nữa là rau cỏ ở đây thật hiếm, những họ không biết ăn, lá củ cải hay lá rau hành họ vứt hết trọi. Không biết họ không biết ăn hay dân ở đây chưa biết ăn. Có lẽ chính họ mới biết được.

Đi thăm vườn cam, vườn lựu và quít tôi thấy rau dền mọc đầy đồng, xanh tươi mơn mởn, nhưng họ chả ăn, để trở bông - rồi già, rồi chết.

Ra ngoài chợ để đi mua đồ tôi thấy du khách Pháp, Đức, Anh thật nhiều, họ chăn nhau giữa người với người, giữa người với vật - giữa bụi bặm với tiếng hò reo, nhưng thấy họ vui mừng ra phết - tôi chả hiểu tại sao, nhưng có lẽ vì họ đã sống lâu đời với văn minh vật chất tiện nghi của Âu-Châu, giờ đây họ muốn sống với thiên nhiên với tự do trong bụi bặm cho thoả chí hay sao mà thấy ai cũng vui vẻ cả, nhưng theo tôi nghĩ vui vẻ nhất đối với người xứ lạnh có lẽ là cái nóng của xứ này. Trong khi Âu Châu 5°c độ thì Tunesie còn tắm biển được (30°c). Họ tha hồ mà phơi nắng ở trên bãi biển, trên sân thượng của Hôtel, trong khi đó người bản xứ sợ đen da nên thấy nắng là đi tìm bóng mát để núp. quả thật cuộc đời là một cái gì hay mâu thuẫn, khó nói và thật khó giải thích. Có lẽ im lặng thì đúng với triết -lý hơn.

Ví dụ như người Nhật, nếu ăn canh không kêu thành tiếng-kẻ đó là kẻ yếu, không đáng là người, nhưng ngược lại người Âu Châu điều đó là mất phép lịch sự. Trong khi đó cái lịch sự của người Đức là ngồi hít mũi ngay cả trên bàn ăn, mà điều này người Nhật cho là vô lễ nhất chả có cái gì sánh bằng. Khi người Âu, Á, Mỹ, Úc sơn móng tay, móng chân màu đỏ, màu hồng cho là đẹp, trong khi đó người Phi châu sơn chân sơn tay màu đã hay màu đen mỗi khi có cưới hỏi hay tiệc tùng thì họ cho là đẹp. Đối với vẻ đẹp của từng dân - tộc chúng ta không nên phê bình đến, nhưng ở đây nêu ra một số thí dụ điển hình để chúng ta tùy nghi mà nhận xét và làm cho thích nghi với từng hoàn cảnh xã hội. Vì ta thường hay nói là:

" Nhập gia tùy tục
Nhập giang tùy khúc" kia mà.

Bước vào chợ, người ta thấy bày la liệt đủ thứ đồ - từ áo quần, mền nệm, thảm cho đến đồ ăn thức uống. Thỉnh thoảng có một ông thầu thuế đi qua đi lại lấy tiền người bán hàng trông giống như những khu chợ nhà quê trong những xóm làng Việt Nam quá.

Đặc biệt ở đây có thể nói là ruồi. Ruồi đâu mà nhiều thế, ban đầu còn xua đuổi chúng đi, nhưng khi tay chân con người mệt mỏi thì mình cũng cho thả lỉ cho chúng tha hồ mà bu đậu.

Tôi được một gia đình quen từ Pháp đưa sang đây để thăm Tunesie và đã đến ở Nabeul với người con trai hiện đang làm Bác Sĩ trong một bệnh viện gần đó. Cả gia đình và tôi đã có dịp đi thăm nhiều nơi trong xứ. Đặc biệt phải nói là nơi những sa mạc đồng khô cỏ cháy như Tozeur, Nefta.. của Sahara gần tận biên giới Algérie.

Càng đi sâu vào miền Nam Tunesie càng thấy cây cối cằn cỗi, ít ỏi, chúng tôi đã đi đến nơi cuối cùng có sông của cây cỏ. Đó là Tozeur - nghỉ đêm trong một khách sạn gọi là Oasis - Oase là sa mạc - cả tiếng Pháp lẫn tiếng Đức đều đồng nghĩa như thế, nhưng tiếng Nhựt, tiếng Tàu và cả tiếng Việt Nam thì có nghĩa giống nhau nhưng có lẽ hơi khác nghĩa chữ Oa- một chút. Sa(沙) có nghĩa là cát, mạc-(漠) có nghĩa là bãi, nhưng chữ mạc có bộ thủy của chữ - nho ý nói là có nước, nhưng thực sự thì trong sa mạc kg không có nước chỉ có những chỗ đọng lại mới gọi là Oasis.

Trong bãi cát có một loại đá trông thật ngộ nghĩnh - đá này kết tinh bằng chất muối, nên khi lấy khỏi mặt đất, bị ánh sáng mặt trời chiếu vào thì đá kia chảy nước liên-hồi.

Đến Tozeur để xem mặt trời lặn, đó cũng là mục đích chính của chúng tôi. Ai cũng bảo rằng Tozeur là nơi đẹp nhất của vũ trụ lúc hoàng hôn, nên ai cũng nôn nóng chờ xem - giờ mặt trời đi ngủ. Thật ra chả có gì lạ hơn ở Âu hay ở Mỹ, nhưng có lẽ nhờ ở đây là vùng sa mạc không có cây cối gì cả, nên người ta dễ thấy cái tận cùng của mặt trời lúc

lặn xuống chăng ? thật ra ở đâu thì mặt trời cũng mọc ở phương Đông và lặn ở phương Tây ,cũng chả có điều gì khác lạ.Trong sa mạc chỉ có một vài con lạc đà đi lưng-thưng đó đây để tìm thức ăn vật uống,nhưng có lẽ lạc đà phải chịu đựng 5 đến 7 ngày như vậy mới có thể tìm được một cây cỏ khô hay một vài vật đã bị thiêu cháy.Bởi thế cho nên Đức Phật mới dạy rằng:

" Cái khổ của con lạc đà chở nặng trong bãi sa mạc, ấy cũng chưa gọi là khổ - chỉ có con người ngu si không trí tuệ - ấy mới thật là khổ".

Hồi xưa khi Phật còn tại thế Ngài sinh ra lớn lên và ở xứ Ấn Độ - nơi đây không thấy có sa mạc - có lẽ cũngchả có lạc đà - chỉ có bò thôi,nhưng sao Ngài biết hết cả những chúng sanh ở khắp nơi trong vũ trụ vậy.Thật phải ca tụng Ngài hơn là:

"Thiên nhơn chi Đạo sư
Tứ sanh chi Tử Phụ -

Thầy của Trời và người
Cha lành của bốn loài chúng sanh"

mới đúng được ý nghĩa thị hiện của Ngài.

Nếu đi thêm chừng vài chục cây số nữa thì sẽ đến biên-giới Algérie,chúng tôi vội quay về,vì nói đó vừa mới có cơn động đất khủng khiếp vừa qua đã làm thiệt mạng tới mấy chục ngàn người,nên đã trở về Nabeul không còn một điều gì vấn vương cả.

Về Nabeul để tối ngồi Thiền,sáng tụng kinh,để thở hít không khí trong lành của biển cả vào buổi sáng tinh - sương khi mặt trời vừa ló dạng hay những buổi chiều thu gió hiu hắt_bóng hoàng hôn.

Tunesie cũng không lớn lắm,nếu đi đến Tozeur hay Nefta chỉ tốn hết khoảng 6-7 tiếng đồng hồ xe hơi,độ chừng

500 cây số về hướng cực Nam, nếu đi con đường ven biển có lẽ sẽ dài gần gấp đôi như thế.

Sau gần 2 tuần lễ ở Tunesie chúng tôi đã trở lại Pháp như từ nhà quê đến tỉnh không hơn không kém. Ngồi ở phi trường Tunis đợi máy bay cả 2 tiếng đồng hồ, nhưng đã chả có ai buồn thông báo về sự trễ nãi ấy cho hành - khách một lời nào cả. Ngồi chờ ở đây mà nhớ Việt Nam ta trong quá khứ (bây giờ có lẽ còn đầy đọa hơn ?) - có lần hè 74 tôi cùng 4 người Nhật về thăm Việt Nam phải chờ suốt gần 3 tiếng đồng hồ ở phi cảng Tân Sơn Nhất để đi Đà Nẵng trong không khí oi ả của mùa hè, nhưng cũng chả có một lời hướng dẫn nào về sự trễ ấy.

Nói chung, người Tunesie hiền hoà, hiếu khách trông có vẻ còn rụt rè. Họ tương đối thành thật nhưng bề ngoài - có lẽ ảnh hưởng người Pháp chăng?

Quê hương họ nghèo, đồng khô cỏ cháy, nhưng thấy họ sống trong hoà bình - độc lập - mình thấy mà ham.

Con người khi sống trong tự do, ít ai để ý và quý trọng sự tự do, nhưng khi mất đi rồi mới ngồi than vãn, quả thật là điều đáng tiếc. Cũng như khi còn cha mẹ, ít ai thấy được tình thương hiển hiện, nhưng khi phụ mẫu khuất bóng rồi ta mới thấy có một khoảng không to tướng chả có gì sánh kịp. Nếu lúc đó có đem mâm cao cỗ đầy đem dâng cho cha mẹ cũng chả làm hài lòng người khuất - mặt mà chúng ta phải hiếu thảo với phụ mẫu tại - tiền cỗ như thế mới trọn đạo làm con. Lo là lo cho người còn sống và sự sống, nếu mất rồi chúng ta có làm gì đi nữa cũng chỉ cốt để che miệng thế gian thôi.

Trở lại Paris tôi thấy như lòng mình thoải mái, không phải vì cái tự do, cái hào nhoáng của xứ này, cũng chả phải vì Paris được mệnh danh là "trung tâm của vũ trụ",

nhưng về Paris như về lại một quê hương nhỏ bé của lòng mình. Paris có ánh đèn màu, có sông Seine xanh màu nước biếc, có lá vàng rơi trên những đại lộ trải dài với đầy những xe và cộ. Paris không đông người như Tokyo, nhưng có hơi ồn ào và nhộn nhịp. Người Paris sống bề ngoài hơn là Anh hay Đức, nhưng người Paris có lẽ dễ chịu và xuề xoà hơn bất cứ một dân tộc Âu Châu nào - không buồn tênh như Đức, không - lạnh nhạt như Anh, không ấm đạm như Hoà Lan cũng chả cao sang như Thụy Sĩ - Paris - thành phố mà tôi đã hơn 10 lần đi và đến - tôi thấy Paris có chút gì Việt Nam - điều đó đã làm tôi ưa thích.

Nhưng dầu đi đâu hay ở đâu tôi chẳng thấy bằng ở quê hương mình, quê hương ta nghèo nhưng nhuộm thắm tình người, quê hương ta còn đau khổ, nhưng nơi đó đã có biết bao nhiêu anh hùng đã đứng lên dựng nước và giữ nước. Ta hy vọng ở một ngày mai - một ngày không còn chiến tranh và thù hận - một ngày chỉ còn tình thương - chỉ có tình thương mới nuôi tất được hận thù. Lúc đó ta sẽ cùng nhau xây dựng quê hương ta, ta quyết sẽ không cho một bàn tay lông lá nào có quyền quyết định vận mệnh của dân tộc ta cả. Vận mệnh dân tộc VN là của người Việt Nam chứ không phải của người Nga, cũng chả phải của người Tàu hay người Mỹ.

Đứng trên tinh thần đó ta còn an tâm - với ta là người VN. là còn chút gì với tinh thần cũng như với văn hoá Việt - Nam.

Hôm nay ghi lại những cảm tưởng nầy trong chuyến đi vừa qua cũng chỉ để nhớ lại một vài hình ảnh hay một vài ý - niệm về một vài dân tộc mà tôi đã có nhân duyên đã đi và đã đến. Nguyện cầu cho tất cả chúng ta cũng như mọi người - luôn luôn sáng suốt cũng như đầy đủ nghị lực để hoàn thành trách nhiệm bảo vệ quê hương, quốc gia, dân tộc cũng như Đạo Pháp trong lúc xa quê hương xứ sở như thế nầy.

- xong 4.11.1980 -

Trang Giáo lý Gia Đình Phật tử

BẬC SƠ THIỆN

T.T.Thích Thiên Ân
T.T.Thích Minh Châu
Đ.Đ.Thích Đức Tâm
Đ.Đ.Thích Chân Trí

(Tiếp theo Đặc San Viên Giác số 5)

1) Biết sự tích Đức Phật Thích Ca từ Xuất gia đến nhập diệt.

2) Biết sự tích Đức Phật A Di Đà và Đức Quán Thế Âm.

3) Biết ba chuyện tiền thân hay mấuchuyện Đạo.

4) Biết ba ngôi báu,ba pháp quy y,sáupháp hòa kính.

5) Hiểu ý nghĩa ăn chay niệm Phật.

6) Hiểu và thuộc nghi thức phổ thông.

Lịch sử Đức Phật Thích Ca

từ xuất gia đến thành đạo

và TỪ XUẤT GIA ĐẾN NHẬP DIỆT

1) THÁI TỬ XUẤT GIA

Nửa đêm mồng 8 tháng hai Thái Tử cùng Xa Nặc thắng ngựa Kiền Trắc, vượt c ử a thành ra đi, Ngài đi đ ế n sông A-Nô-Ma, rồi xuống lấy gươm cắt tóc giao cho Xa-Nặc đem tất cả đồ trang - sức và ngựa về cung tâu với phụ vương, để PhụVương rõ chí quyết định của Thái Tử. Rồi cởi áo đổi cho một người thợ săn, cương quyết đoạn tuyệt cuộc đời xa hoa vương giả, khoác chiếc áo hoại sắc, một mình một thân đi tìm Đạo.

2) THÁI TỬ HỎI ĐẠO,

Trước hết Ngài đi tìm hiểu và hành trì các Đạo đang lưu hành trong nước, tìm xem có Đạo nào là chơn - chánh giải thoát cho muôn loài.

a) Thái Tử hỏi Đạo lần thứ nhất: Thái Tử đi lần đến thành Vương Xá đến hỏi Đạo các vị Tiên ở rừng Bạt Già tu theo khổ hạnh để được làm Ma Vương, Thiên Thần, được thần thông. Thái -Tử nhận thấy tu theo khổ hạnh lên các cõi trời cũng sg sướng thật, nhưng h ế t phước rồi sẽ đọa vào nhữ cõi đau khổ, chưa phải là Đạo chơn chánh giải thoát

b) Thái Tử hỏi Đạo l ầ n thứ hai: Rồi Ngài từ giã các vị Tiên và đến phía Bắc thành Tỳ Xá Ly h ỏ i Đạo ông A-la-Lá tu về Sổ luân chuyển nhiếp t â m vào định sơ thiền v.v... sanh vào cõi trời vôtưởng thời đặng giải thoát. Thái tử cũng tu theo và cũng chứng đặng cõi trời Vô-Tưởng nhưng Ngài nhận th thấy không phải là Đạo-giải thoát, nên Ngài từ tạ ra đi.

c) Thái Tử hỏi Đạo lần thứ ba: Ngài đến hỏi Đạo ông Uất Đầu Lâm Phất, chuyên-dạy các sự chấp trước có hình tướng hay không hình tướng đều sai lạc, c h ỉ phải lãnh thọ cái t h ể nhiệm mầu của muôn v ậ t mới được giải thoát v à

sanh về cõi trời Phitưởng phi phi tưởng xứ, Thái Tử liền tu theo và chứng - được quả Phi Tưởng Phi-phi tưởng xứ, nhưng. Ng ài cũng nhận rằng cõi ấy ch chưa phải là cảnh giải - thóat.

3) THÁI TỬ TU KHỔ HẠNH

Thái Tử 3 lần hỏi Đạo , biết rằng những đạo hiện hành không có Đạo nào là chơn chánh giải thoát . Ngài tự nghĩ phải chính-thân hành trì chuyên- tu mới có thể tìm rõ Đạo chánh Ngài liền đến rừng Ưu - Lầu-Tần-Loa, phía Nam núi Tượng Đầu bên sông Ni Liên Thuyền và bắt đầu tu khổ hạnh với năm người b ạ n là Kiều Trần Như, Ác Bệ , Thập Lịch Ca Diếp, Ma Ha Nam, Câu Ly và Bạc Đề Ngài tu trong 6 năm, c ư ơ n g quyết hành hạ tự thân, ép xác đến nỗi mỗi ngày chỉ ăn một hột gạo một hột mè Ngài cũng tu khổ hạnh, cg gầy mòn ốm yếu đến n ỗ i một ngày kia phải té xỉu chết giấc. Khi Ngài tỉnh dậy, Ngài hiểu rằng hành hạ xác thân qúa đáng khg ích gì, người cầu đạo cần phải phát chiếu trí tuệ, mới mong được giác ngộ . Nghĩ thế Ngài nhất định ăn uống như thường , để giữ lại cái thân làm lợi khí trong công cuộc tìm đạo giải thoát. Năm người bạn đồng tu thấy vậy tưởng Ngài thối chí nên bỏ đi.

4) THÁI TỬ THAM THIỀN

Khi ấy một thiếu nữ tên Tu Xà Đề thấy Ngài n ằ m dưới gốc cây liền đem sữa đến dâng. Ngài dùng s ữ a xong, sức lực bình phục , rồi xuống sông Ni - Liên Thuyền tắm rửa sạch sẽ . Tắm xong, Ngài liền đ ể n dưới cây Bồ Đề, trải c ỏ làm nệm và ngồi tĩnh tọa tham thiền luôn trong 49 ngày. Ngài thề rằng: " Nếu ta không thành đạo chứng quả thì quyết trọn đ ờ i không rời khỏi cây Bồ Đề nầy".

5 THÁI TỬ THÀNH ĐẠO

Ngài định tâm chuyên chú: nhất tâm mặc tưởng thiền tu. Các Ma Vương sợ Ngài thành đạo sẽ giác ngộ cho mọi loài bèn rủ nhau đến quyến rũ mê hoặc hại Ngài Nhưng Thái Tử định l ự c cao cường, Ngài chiến - thắng tất cả sự cám d ỗ của ma vương.

Đến đêm mồng tám t h áng

chạp,canh một Ngài chứng qủa Túc mạng minh thấyrõ kiếp trước của mình của người;canh hai chứng qủa thiên nhấn minh giác ngộ hoàn toàn cùng khắp;canh ba chứng qủa lậu tậnminh diệt trừ hết thảy mê lầm vô thi.Đến lúc sao m a i mới mọc,Ngài liền chứng-đặng Đạo Vô thượng,thành Phật hiệu là Thích CaMâu Ni.Lúc bấy giờ qủa đ ấ t đều rung động nhạc trời-chúc tụng,mưa hoa cúng-dường.

6)ĐỨC PHẬT ĐI TRUYỀN ĐẠO

Khi Ngài mới chứng qủa , Ngài còn ngần ngại chưa muốn đi truyền đạo ngay, vì sợ đạo Ngài sâu xakhó hiểu.Nhưng sau Ngài quán rõ căn cơ và ứng dụngcác phương tiện,Ngài mới cùg quyết đem Đạo Phậtragiáo hóa chúng sanh.

Trước hết Ngài đến vườn Lộc Uyển,thuyết pháp Bốn Đế,độ cho bọn ông K i ều Trần Như,Bắt đầu tự đ ó mới có Phật Pháp Tăng ba ngôi báu.

Sau Ngài độ cho một thah niên tên Da Xá và chi' tr trong 3 tháng,Ngài có hơn 60 đệ tư.Dưới đây là một vài Đệ Tư' có danh,đứcPhật đã giáo hóa trong khi đi-truyền đạo:

1) Ông Ca Diếp vị Tổ Sư thứ lưà và các đồ đệ của ông.
2)Vua Tần Bà Ta La xứ Ma-Kiệt Đà.
3)Ông Mục Kiền Liên thần thông đệ nhất và ông Xá - Lợi Phất trí huệ bậc nhất
4)Ông Nan Đà,ông A Nan , ông Ưu Bà Ly và ông A Na-Luật Đà.
5)Bà Di mẫu Ma-ha-ba-xà - ba-Đề là người đàn bà đầu tiên được Đức Phật chovào Giáo Hội.
6)Ông Tu Bạt Đà La hơn 80 tuổi là vị đệ tư' cuối cùg của Đức Phật.

Đức Phật thuyết pháp,giáo hoá hơn 49 năm,độ được hà vạn ức đệ tư',không phân-biệt giàu nghèo sang hèn. Ngài thường đi thuyếtpháp trong chín tháng nắng,còn các tháng mưa thì ở lại T Tịnh xá để chuyên tu.

7)ĐỨC PHẬT NHẬP NIẾT BÀN

Đến ngàytrăng tròn tháng hai Ấn Độ,Ngài biết mình

sắp nhập Niết Bàn, liền d đến xứ Câu Ly, vào rừng Xá Nại, khiến treo vong nơi hai cây song thọ. Ngài hội nhập các hàng đệ tử lại, giảng dạy khuyên bảo lần cuối cùng rồi từ giã mọi người mà nhập Niết Bàn. Ngài hưởng thọ được 80 T tuổi. Trước khi Ngài viên tịch Ngài phú chúc c h o ông Ca Diếp thọ lãnh y-bát của Ngài để truyền - đạo

8) KẾT LUẬN

Đời Ngài tư lúc xuất gia đến lúc nhập diệt là cả một gương sáng tìm đạo, hành đạo, truyền đạo để cứu chúng sanh ra khỏi biển khổ. Ngài cương quyết đoạn tuyệt cuộc đời vương giả dấn thân trong gian khổ để đi tìm đạo, rồi l ạ i chuyên tu khổ hạnh h ơn 6 năm, tham thiền trong 49 ngày, hành đạo cho đến ngày chứng quả; rồi lại đi thuyết pháp giáo hoá hơn 49 năm để truyền đạo chơn chánh cứu khổ cho muôn loài.

Sự tích Đức Phật A Di Đà — & Đức Quán Thế Âm

A - ĐỨC PHẬT A DI ĐÀ

1) Danh nghĩa Đức Phật A-Di Đà - Đức Phật A Di Đà là một Đức Phật làm giáo chủ ở cõi tây phương cực lạc. Tên Ngài có 3 nghĩa:
a) Vô lượng quang: nghĩa là hào quang trí tuệ của Ngài vô lượng vô b i ê n chiếu khắp các thế giới.
b) Vô lượng thọ: nghĩa là thọ mạng Ngài sống l â u không lường kể.
c) Vô lượng công đức: là Đức Phật A Di Đà làm nhữ công đức to lớn không thể kể xiết.

2) Sự Tích Đức Phật A Di-Đà - Theo kinh Đại A Di-Đà, về thời Đức Phật Thế Tự Tại Vương ra đời, có một vị quốc vương tên K Kiều Thi Ca. Vua Kiều Thi Ca nghe Đức Phật thuyết-pháp liền bỏ ngôi v u a xuất gia làm vị tỳ kheo-hiệu là Pháp Tạng. M ộ t hôm Ngài đảnh lễ Phật quỳ xuống chắp tay cầu Phật chứng minh và phát 48 lời nguyện. Do nguyện lực ấy sau nầy thành Đức - Phật A Di Đà.

Lại theo kinh Bi Hoa, về đời vua Chuyển LuânThánh vương tên Vô Tránh Niệm, có vị Đại Thần Bảo Hải . Vị nầy có người con tên là Bảo Tạng tướng tốt đi thường,sau xuất giathành Phật hiệu là Bảo TạngNhư Lai.Một hôm vua Vô Tránh Niệm nghe Phật thuyết - pháp liền phát tâm muốn cúng dường các món ăn uống y phục cho Đức Phật và Đại chúng luôn trong 3 tháng.Vị Đại Thần Bảo Hải khuyến Vua nên Phát-tâm Bồ Đề cầu đạo vô - thượng.Vua liền nguyện - sau nầy thành Phật sẽlàm giáo chủ một cảnh giới cực kỳ trang nghiêmthanh tịnh để giáo hoá chúng - sanh.Vua Vô Tránh - Niệm phát nguyện xong,Đức Bảo Tạng Như Lai liền thọ ký cho Vua sau nầy sẽ thành Phật hiệu là A Di Đà và cõi nước của Ngài sẽ là cõi Cực Lạc Tây Phương . Vị Đại Thần Bảo Hải sau nầy cũng thành Phật hiệu là Thích Ca Mâu Ni.

3)HẠNH NGUYỆN ĐỨC PHẬT A DI ĐÀ. -

Đức Phật A Di Đà làgương sáng của hạnh thanh tịnh vì thân Ngài chói ngời - hào quang thanh tịnhsáng suốt,cõi tịnh độ củaNgài chói ngời các món trân bảo thanh tịnh sángsuốt và các chúng sanh ởtrên cõi Cực Lạc hết thảyđều thanh tịnh sáng suốt . Đức Phật A Di Đà cóphát 48 lời nguyện rộng lớn cứu độ tất cả chúngsanh trong ấy có lời nguyện tiếp dẫn tất cả chúng - sanh nào hướng niệm đến Ngài đều được vãng sanh lên cõi Cực Lạc.Ngàilại có nguyện nếu có chúng sanh nào niệm danh hiệu Ngài,đến 10 niệm Ngài cũng tiếp dẫn lên c õ i cực lạc.

4) LÒNG QUY NGƯỠNG CỦA PHẬT TỬ

Nước Việt Nam phần đông theo Tông Tịnh Độ n ê n thờ tượng Đức Phật A Di Đà.Tượng Ngài đứng hoặc ngồi trên tòa sen,tay p phải duỗi xuống phóng - hào quang,tay trái để ngang bụng bắt ấn cam - lồ.Tại các chùa,ĐứcPhật A Di Đà thờ chung v ớ i Đức Phật Thích Ca(bên phía tay mặt Đức - Phật Thích Ca),và Đức - Phật Di Lặc,có khi thờ m ộ t mình hay có Đức QuánThế Âm bên tay trái và Đức Đại Thế Chí hầu bên mặt Ngài,hai vị nầy trợ hoá cho Ngài bên cảnhcựclạc

Thường năm đến ngày 17-11 các Phật Tử làm lễ viácủa Ngài. Trong khi gần l â m chung và khi đưa đám, hoặc khi cúng lễ thường niệm danh hiệu Ngài là hiệu th thanh tịnh trong sạch để trừ những tà niệm, chuyển-đổi cảnh đời ô trượcthành cảnh giới thanh tịnh sáng suốt như cảnh giới CựcLạc.

B - ĐỨC QUÁN THẾ ÂM BỒ-TÁT.

a) Ý nghĩa tên Ngài.-Đức Quán Thế Âm là một vị Bồ Tát thường hay quán xét tiếng đau khổchúng sanh để cứu giúp nên gọi Ngài là Quán Thế Âm; lạidoNgài quán sát tánh nghe mà giác ngộ tự tại cứu độ chúng sanh nên cũng gọi Ngài là Quán Tự Tại. Trog thời Đức Phật Thích - Ca Mâu Ni ra đời, Đức Quán - Thế Âm thường trợ hoácho Ngài cứu độ chúng sanh ; Đức Quán Thế Âm cũng hay trợ hoá cho Đức Phật A - Di Đà ở cõi Cực Lạc, v à thường hầu cận bên t a y trái Đức Phật A Di Đà.

b) Lịch sử. - Kinh Bi Hoa chép rằng: về thời kiếp - qúa khứ, Ngài Quán Thế Âm làm Thái Tử con vua Vô-Tránh Niệm, đồng nghe Đức Phật thuyết pháphiểuđặng đạo lý, phát tâm Bồ - Đề quyết chí tu hành các h hạnh Bồ Tát, mong s a u thành Phật đặng cứu - độ chúng sanh. Vua cúng dường Đức Phật và Tăng chúng - luôn trong 3 tháng. Thái-Tử cũng cúng dường và cũng cũng tu như vậy. Vua Vô-Tránh Niệm tu hành tinh tấn, đến khi công hạnhvẹn toàn thì thành Phật cõi Cực Lạc phương tây, hiệu là A Di Đà. Thái Tử cũng công hạnh đầy đủ, cũng sh sanh về cõi ấy thành Bồ-Tát hiệu là Quán Thế Âm, đang cùng với Đức Phật A Di Đà tiếp dẫn chúngsanh về cõi Phật.

3) HẠNH NGUYỆN CỦA NGÀI

Trong kinh Phổ Môn , Đức Phật Thích Ca Mâu Ni có nói về hạnh nguyện của D Đức Quán Thế Âm Bồ Tátlà cứu độ chúng sanh thoát khỏi 3 tánh tham, sân si, nếu chúng sanh niệm đến danh hiệu Ngài. Đức Quán Thế Âm lại thường hiện - thân vào tất cả từng lớp chúng sanh để cứu v ớ t chúng sanh thoát khỏicác nạn tai ách. Hạnh -nguyện của Đức Quán Thế Âm l à Đại Từ Đại Bi cứu khổnạn cho chúng sanh, nên Đ ứ c Quán Thế Âm là tượng trư

cho hạnh Từ Bi và tất cả chúng sanh thường niệm - danh hiệu Ngài là Nam Mô Đại Tử Đại Bi cứu khổcứu nạn Quán Thế Âm Bồ Tát , hay Nam Mô Đại Tử đại bi Phụ linh cảm ứng QuánThế Âm Bồ Tát.

4)LÒNG QUY NGƯỠNG CỦA PT.

Vì Đức Quán Thế âm có nh nhân duyên cơ cảm v ở i chúng sanh ở' cõi Diêm - Phù Đề này,nên Ngài rất được tôn thờ.Một khi có tai nạn gì xảy ra,mọi ng người liền niệm danhhiệu Ngài để nhờ Ngài cứu độ. Trong những thời kỳ binh đao tai nạn,mọi người th thường hay ấn tống tượng Ngài để thờ hoặc để đeo.

Người ta thường hay vẻ tượng Ngài bằng hìnhdáng phụ nữ tượng trưng cho lòng thương không bờ bến của Ngài,bà mẹ hiền của chúng ta.Ngài cầm nhánh-dương chi để tiếp d ẫ n chúng sanh và bình nước cam lồ để rưới tắt phiền não,đem lại nước trong mát cho mọi loài.Người ta lại vẽ Ngài đi trên hoa sen giữa bể cả ba đào,tơ rằng trong bể khổ sóng , gió,Đức Quán Thế Âm bao giờ cũng gần gũi chúng - sanh,cứu vớt chúng sanh bằng hoa sen tử bi ngát-hương chơn lý.Có khi v ẻ Ngài ngồi ở' pháp tòa trg rừng trúc,hình dung Ngài ở' núi Phổ Đà thường nhập định,đồng thời tùy duyên thuyết pháp độ chúngsanh tuy tùy duyên ứng thân - thuyết pháp mà vẫn không rời pháp tòa tự giác vậy. Hình ảnh nầy và hình ảnh có Thiện Tài,Long - N ữ đứng hầu là tượng trưng-cho phẩm hạnh đồng chơn của Đức Quán Thế Âm, ng nghĩa là hạnh hoa sen tr trong sạch giữa bùn lầy ô trược,như tâm hồn tuổi trẻ trước cảnh sắc mê hoặc.Trong một năm có ba ngày vía lớncủa Ngài là ngày 19 tháng 2,19 tháng 6,19 tháng 9.

Người Phật Tử chơn chánh niệm Đức Quán Thế Âm là luôn luôn thể theo hạnh Từ Bi của Ngài mà cứu độ cho tất cả chúng sanhđau khổ,làm tất cả hạnh lành dầu phải gặp những gian nan đau khổ.

Tin tức

Ngày 5.10.80 Qúy Đại Đức Thích Giác Minh(Aachen) Đại Đức Thích Minh Thân-(Barntrup) Thầy Thích - Thiện Tâm,cô Diệu Ân,Thầ Thầy Minh Phú,cô Minh - Loan(Münnerstadt) đã về trụ sở của chi bộ PGVNTĐ chùa Viên Giác để họp CB bàn thảo một số vấn - đề rất quan trọng trong sự hành đạo và truyền - đạo ở xứ Đức,đồng thời Chi - Bộ cũng đã thông qua một bản nội quy để làm phương châm hoạt động cho Chi - Bộ bây giờ cũng như mai hậu.Chi Bộ PGVNTN cũng đã được chính quyền Đức chính thức công nhận trg việc tu học cũng như hướng dẫn đời sống tinh - thần của đồng bào Phật Tử VN tại Quốc độ nầy.

Chính quyền Tây Đức đã đồng ý cho người VietNam thiết lập một trung -tâm Văn Hóa tại Bonn nhằmmục đích bảo tồn và phát huy văn hoá Việt Nam tại đây dưới sự tài trợ của Bộ N. Vụ Liên Bang.Hội Sinh - Viên và Kiều Bào Phật Tử VN tại Tây Đức cũng đã tham gia,đóng góp chương trình nầy.

Để phát huy tinh thần Đạo Phật khắp mọi nơi t r ê n hoàn vũ và cũng thể theo lời mời của một số qúy vị Phật Tử Đạo tâm ở Pháp và Tunesie(Bắc Phi Châu) nên Đại Đức Chi Bộ Trưởng CB PGVNTN đã đi đến Bắc Phi trong thời gian 2 tuần lễ để hành đạo tại xứ nầy.

Rằm tháng 10 năm nayđược Đại Đức Thích Giác Minh-ở Aachen tổ chức mộtcách trọng thể.Qúy Thầy vàQúy Ni cô trong CB cũng đ ã đến tham dự trong ngàylễ trên.

Đáp lời mời của đồng bào Phật Tử Việt Nam tại Úc, tại Thụy Sĩ cũng như sẽ cùng Đại Đức Thích Minh Tâm(Pháp)sang Ý để hành đạo, Đ.Đ.CBTCB PGVNTĐ cũng sẽ có mặt trong nhữ nơi trên vào những ngày tháng trong cuối năm nầy và đầu năm dương lịch.

Hội Sinh Viên và Kiều Bào Phật Tử Việt Nam tại Tây Đức năm nay có phát hành 7 loại carte hình mầu có tính cách Việt Nam để chúc Tết hoặc chúc lành trg khi có hiếu hỷ. Mỗi thiệp phát hành giá 1,DM. Qúy vị nào muốn có những loại carte trên xin vui lòng liên lạc về chùa hay anh Nguyễn Ngọc Tuấn - Cosmae Kirchhof 2,2160 Stade để nhận thiệp.

CHÚC MỪNG

Hội Sinh Viên và Kiều Bào Phật Tử Việt Nam tại Tây Đức thành thật chia vui cùng anh

NGUYỄN HỮU LỘC PD THỊ HIỀN
nguyên phó trưởng ban văn nghệ Hội SV và KBPTVNTĐ

và chị HOÀNG THỊ HỢI PD THỊ TRÍ
trọn đời bền duyên cầm sắt, loan phụng hòa minh.

CẢM TẠ

Chùa cũng xin cảm tạ tất cả những tổ chức, những H Hội Đoàn bạn... đã gởi sách báo, tài liệu v.v... và mong được liên lạc thường xuyên với Qúy Vị.

Chúc Lành

Hội Sinh Viên và Kiều Bào Phật Tử Việt Nam tại TĐ cũng xin chúc mừng tân Ban Chấp hành Hội người V Việt tỵ nạn cộng sản tại Tây Đức trong nhiệm - kỳ mới hoạt động thật hăng say và hy vọng sẽ thành - công nhiều trên mặt trận ngoại giao để thâu ngắn đường về Tổ Quốc.

Hộ Trì Tam Bảo

Phương danh Quí vị Phật Tử hộ trì Tam Bảo, hùn phước in kinh ấn tống, in sách báo, phương tiện di chuyển, sinh hoạt của chùa cũng như ủng hộ định kỳ hàng tháng cho việc thuê mướn Niệm Phật Đường trong thời gian qua.

Phương tiện di chuyển:

Đạo Hữu Hùynh Hồng Giao (Canada)
Đh Hồ Văn Nguyên(Pháp)
Đh Nguyễn Thị Ngà(")
Đh Hồ Hoàng Đảnh(Tunésie)

In kinh sách ấn tống:

PT Trương Tấn Lộc(Hagen)
Đh Lục Thị Tịnh(Wiesden)
Đh Đoan Hoà(Bỉ)
Đh Đoàn T.Thanh Tú(Pháp)
Đh Thân Trọng Lạc (")
Pt Đặng Trinh W.(München)
Đh Nguyễn Thị Tốt(Texas)
Đh Tào Văn Trạch(Pháp)

Ủng hộ bất định kỳ:

Đh Vô Danh (Norden)
Đh Nguyễn Thị Tốt(Texas)
Đh Dương văn Phương(Essen)
Đh Nguyễn T.Long(G Mhütte)
Đh Tôn Thị Mai (")
Đh Trần Đức Phát (")
Pt Triệu Thị Bé(Rothenb.)
Đh Hà Thị Định(Celle)
Đh Nguyễn v.Phong(Hildesh)
Đh Nguyễn Thị Ngà(Pháp)
Đh Đinh Thị Hợi(Aachen)
Đh Huệ Hoà (Pháp)
Đh Diệu Đức (")
Ô.B. Trực (")
Ô.B. Trương (")
Đh Vô danh (")
Đh Trần Thị Lộc (")
Đh Lê Thị Đều (")
Đh Diệu Trí (")
Bà Thanh (")
Cụ Diệu Ngọc (")
Đh Đoàn T.T.Tú (")
Cụ Vĩnh Dự (")
Bà Giáo Sáu (")
Đh Võ Thị Sáu (Đức)
Đh Lục Thị Tịnh (Đức)

ủng hộ định kỳ

1) A.Lê Huy Cát(Bergen)
2) " Lâm Đ.Châu(Hannover
3) " Ngô Ngọc Diệp(")
4) Cô Nguyễn t.Tử (Kiel)
5) Chi Soan (")
6) A.Văn C.Trâm (")
7) Chị Nguyễn T.Đẹp(Neu.)
8) Chị Nguyễn t.Hạnh(Braun
9) Anh Vương Đ.Mẫn(Kiel)
10) A.Phạm C.Hoàng(Brem.)
11) A.Nguyễn N.Tuấn(Stade
12) A.Trần Minh San(Hil.)

13) A.Nguyễn v.Vân(Hilde.)
14) A.Trương v.Giáo(Kobl.)
15) A.Lê Văn Hồng (Lohr)
16) A. Đinh N.Bình(Mülh.)
17) Đh Dương v.Phương(Ess)
18) A.Phạm v.Phụng(Hildes)
19) A.Bùi h.Tường(Münst
20) Bà Nguyễn T.Tùy(Rec
21) A Trần v.Trưởng(Sch
22) A.Mai Vi Phúc(Dören
23) Đh Vũ Văn Hà (Paris
24) Mme Grimaldi (Pari

thông tin

Chùa Khánh Anh(Pháp) và chùa Viên Giác (Tây Đức) dự định cho tái xuất bản quyển PHẬT HỌC TỰ ĐIỂN của tác giả Đoàn Trung Còn dày khoảng 2.300 trang, trong đ có giải thích thêm bằng tiếng Pháp, Anh, Nhựt, Hán n ngoài những danh từ Phật Giáo thông dụng bằng Việt-Ngữ. độ chừng 1.000 bộ và phí tổn in để ấn tống độ chừng 120.000 quan Pháp(mới) bằng khoản 50.000 DM . Gia Đình ông bà Hồ Văn Nguyên và Bác Sĩ Hồ Hoàng - Đành(ở Pháp và Tunesie) đã phát tâm cúng dường nữa phần phí tổn trên. Phần còn lại xin kêu gọi toàn thể quý thiện nam tín nữ cũng như đồng bào Phật Tử các giới nên hùn phước để ấn tống bộ Đại Tự Điển trên. Công đức thật vô lượng vô biên. Quý vị ở Pháp có thể liên lạc thẳng với ông bà Hồ Văn Nguyên hoặc chùa Khánh Anh số 14 Ave. Henri Barbusse, 92220 Bagneux . Tél.655.8444. Nếu Quý vị ở tại Tây Đức xin liên lạc về chùa Viên Giác Kestnerstr. 37, 3000 Hannover 1 Tel.0511-812891.

CẢM TẠ

Trong thời gian qua chùa đã nhận được những sự hộ trì hằng tháng cũng như bất thường của tất cả Quý vị Phật Tử khắp nơi trên thế giới như Đức, Mỹ, Pháp Tunésie....xin hồi hướng công đức tài thí của tất cả chư liệt vị được thân tâm thanh tịnh, trí huệ t thường khai. Bồ đề tâm mãn nguyện. — *thông tin* —

• Bắt đầu từ số báo sang năm Viên Giác sẽ cải thành một dạng thức mới, sẽ có nhiều tài liệu biên khảo c phụ của giáo sư Nguyễn, cụ Nguyễn Doãn Cam Lộc ở Ca lifornia cũng như của nhà văn Mai Vi Phúc và nhiề cây bút tên tuổi khác.

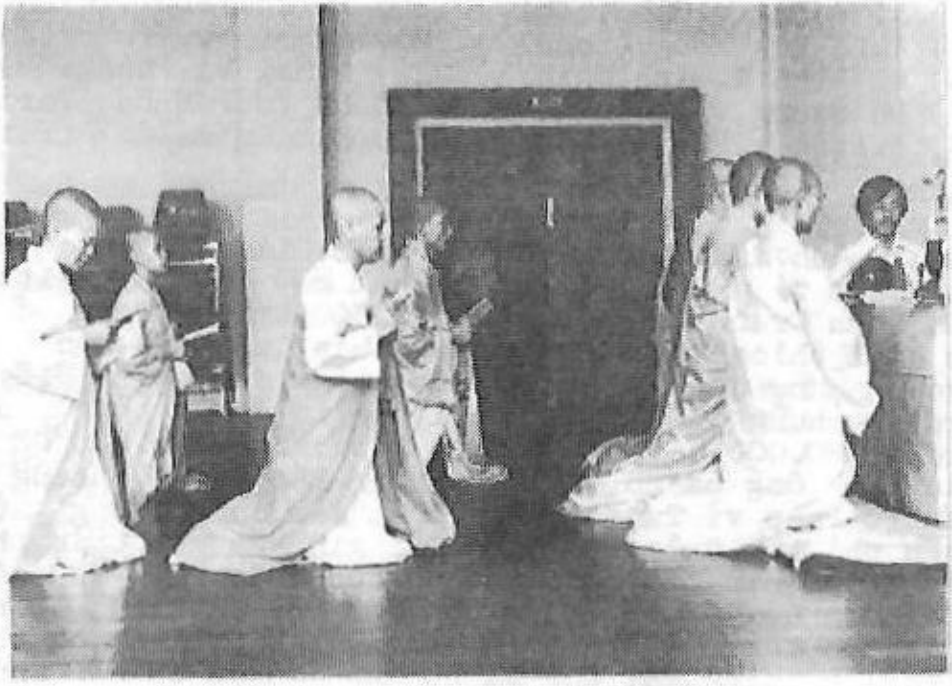

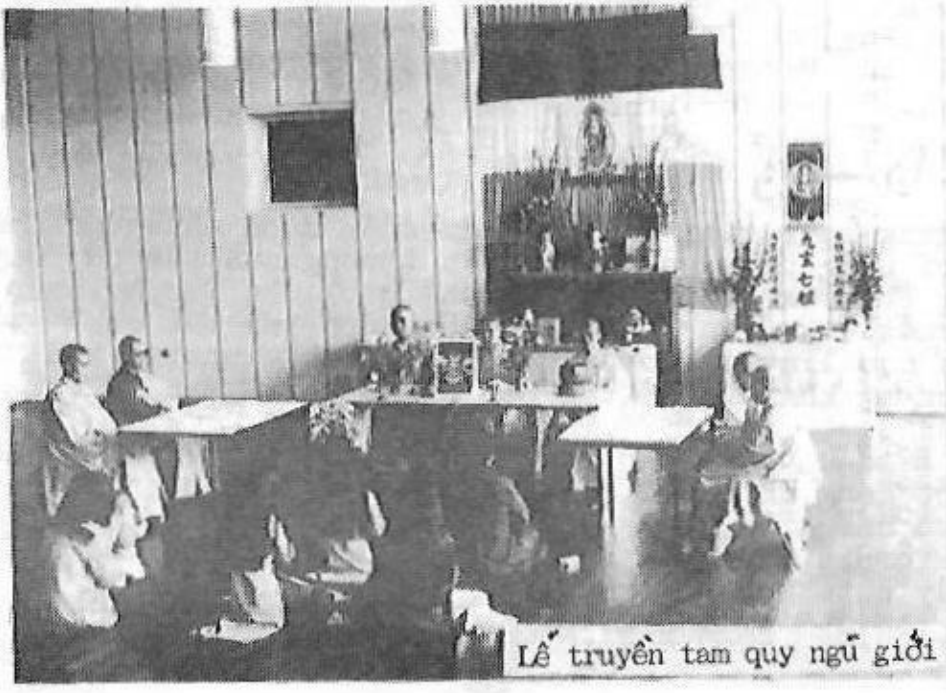

Lễ truyền tam quy ngũ giới

Lễ tiến linh nhân mùa Vu Lan Báo Hiếu

Lễ Vu Lan 2524 năm tại Hannover

Chơn ảnh của cố Hòa Thượng Thích Thiện Ân tại Trung Tâm Quốc Tế Thiền Viện vào năm 1971 , Los Angeles California , USA

MỤC LỤC

Trong số nầy trang

Lời đầu.....Ban Biên Tập

Thiền Học.....01

Ngọn Bấc Xoay Chiều.....07

Chiều Hội Gió.....13

Tự Thú.....14

Bất Lực.....15

Truyện cổ nước Tây.....17

Tường trình sinh hoạt Lễ Vu Lan.....23

Ba mẫu chuyện Đạo.....25

Ba chuyện tiền thân.....29

Ghi lại một cuộc hành trình.....49

Trang giáo lý Gia Đình Phật Tử.....66

Tin tức.....74

hình ảnh sinh hoạt.....78

+ + + + +

Chủ nhật thứ nhất và chủ nhật thứ ba trong mỗi tháng tại chùa có cử hành lễ cầu an, cầu siêu, Pháp Hoa, Sám hối, Giáo Lý v.v.

Qúy vị Đạo Hữu cũng như Qúy Phật Tử nào muốn trì - linh cho những hương linh qúa vãng tại chùa cũng như muốn thỉnh thỉnh những pháp bảo như kinh Nhật Tụng, Kinh Vu Lan, Bạch Y Thần Chú cũng như những ảnh Phật.....Mọi chi tiết xin liên lạc về chùa Viên Giác Kestnerstr. 37, 3000 Hannover1 West Germany Tel. 0511-812891.

Mọi sự cúng dường cũng như ủng hộ báo Viên Giác Qúy - vị có thể gởi thẳng về chùa hay qua ngân hàng Deutsche Bank Hannover .Konto NO 8650228 Bankleitzahl 25070070(Thích Như Điển).

Xin thành thật cảm ơn tất cả chư liệt vị.